

Số : 104./CV-RDP

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện theo quy định của Luật Chứng khoán hiện hành, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/08/2016, nay Công ty cổ Phần Rạng Đông Holding thông báo như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN RẠNG ĐÔNG HOLDING**
2. Mã chứng khoán: **RDP**
3. Trụ sở chính: 190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh
4. Điện thoại: (+84 028) 39692272-39696642 Fax: (+84 028) 39692843
5. Loại công bố thông tin: Định kỳ
6. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Bùi Đắc Thiện
7. Nội dung công bố thông tin: **Báo cáo thường niên năm 2022**
8. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Rạng Đông Holding vào ngày 18/04/2023 tại đường dẫn <http://rangdongholding.com.vn/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Đại diện tổ chức

NGƯỜI UQ CBTT



Bùi Đắc Thiện

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo thường niên năm 2022

Rạng Đông[®]
Since 1960



GIỮ VỮNG NIỀM TIN
KHƠI DÒNG BÚT PHÁ



GIỮ VỮNG NIỀM TIN
KHƠI DÒNG BÚT PHÁ

CÔNG TY CỔ PHẦN RẠNG ĐÔNG HOLDING



📍 190 Lạc Long Quân P. 3, Q. 11, Tp. HCM.
☎ +84 283 969 2272
🌐 <https://rangdongholding.com.vn>

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2 0 2 2

Luôn Luôn Tốt Hơn

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

04 Triết lý kinh doanh, Tâm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi

01 - THÔNG TIN CHUNG

- 06 Giới thiệu khái quát.
- 07 Quá trình hình thành và phát triển.
- 08 Ngành nghề kinh doanh.
- 10 Mô hình hoạt động - Cơ cấu tổ chức.
- 14 Định hướng chiến lược phát triển.
- 18 Phân tích SWOT.
- 20 Quản trị rủi ro.



02 - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

- 22 Sự kiện nổi bật 2022.
- 24 Giải thưởng tiêu biểu.
- 26 Hệ thống quản lý chất lượng.
- 28 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.
- 34 Hoạt động đầu tư, dự án tiêu biểu.
- 36 Tình hình tài chính và các chỉ số.
- 38 Thông tin cổ phần cổ đông.



03 - PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 40 Tác động liên quan đến môi trường và xã hội.
- 44 Phát triển nguồn nhân lực.
- 46 Phát triển bền vững.



04 - QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 50 Hội đồng quản trị.
- 52 Báo cáo quản trị công ty.
- 54 Hoạt động của Hội đồng quản trị.
- 56 Ủy ban kiểm toán, các giao dịch.



05 - BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- 58 Báo cáo tài chính hợp nhất.



HỒ ĐỨC LAM

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Chủ tịch Hiệp hội Nhựa Việt Nam

Kính gửi Quý Cổ đông, các Nhà Đầu tư, Quý Đối tác, Quý Khách hàng, và toàn thể CB-NV Tập đoàn Rạng Đông Holding!

Trong năm 2022 vừa qua, tình hình kinh tế trong nước chịu ảnh hưởng không nhỏ bởi biến động của nền kinh tế toàn cầu, lãi suất tăng cao, nhiều công ty đóng cửa sản xuất - cắt giảm nhân sự, người tiêu dùng ở khắp nơi trên thế giới thắt chặt chi tiêu để ứng phó với khủng hoảng, tạo sức ép cho các doanh nghiệp trong việc sản xuất kinh doanh và tìm đầu ra sản phẩm. Trước những diễn biến khốn đốn, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Rạng Đông Holding đã phản ứng kịp thời, đưa ra chỉ đạo xây dựng kế hoạch chiến lược, tiến

hành thích ứng, duy trì, cải tiến và phát triển sản xuất kinh doanh. Doanh nghiệp thực hiện các hoạt động củng cố nội lực, nghiên cứu sự thay đổi của thị trường để làm nền tảng đột phá và vươn lên đạt mục tiêu đề ra.

Kết thúc năm 2022, doanh thu toàn Tập đoàn đạt **2840 tỷ đồng, tăng 5%** so với năm 2021, đưa vào vận hành nhà máy Rạng Đông Healthcare với máy móc công nghệ hiện đại bậc nhất Việt Nam để sản xuất vải không dệt cùng các sản phẩm nhựa y tế, chương trình phát triển nhà máy thông minh tại Nhựa Rạng Đông Long An và cải tiến sản xuất tại Rạng Đông Films đặt nền tảng chuyển đổi số cho hệ thống nhà máy. Các hoạt động kết nối, truyền thông thương hiệu tại Triển lãm Quốc tế ở TpHCM và Hà Nội thành công tốt đẹp, đạt Thương hiệu Vàng TpHCM năm 2022, tự hào đạt Thương hiệu Quốc gia Việt Nam 8 lần liên tiếp. Kết quả trên là minh chứng rõ nhất cho giá trị chiến lược thích ứng, duy trì, cải tiến và phát triển mà Hội đồng quản trị đề ra cùng sự phấn đấu không ngừng nghỉ của toàn thể cán bộ nhân viên Tập đoàn Rạng Đông Holding, gồm có: Nhựa Rạng Đông Long An, Rạng Đông Films, Rạng Đông Healthcare và Trading Rạng Đông.

Trong năm 2023, Rạng Đông Holding đặt mục tiêu sản xuất kinh doanh tăng trưởng, mở rộng nghiên cứu sản xuất sản phẩm mới, đầu tư trang thiết bị máy móc và nguồn nhân lực,

định phương hướng phát triển thành Tập đoàn sản xuất kinh doanh đa lĩnh vực mang tầm vóc Quốc tế.

- Kỳ vọng lợi nhuận gộp trong hoạt động sản xuất tăng 40% so với năm 2022, tập trung sản xuất kinh doanh bao bì, giả da, màng mỏng, vải không dệt, vật tư y tế, nhựa y tế. Mở rộng sản xuất sản phẩm kinh doanh tiêu dùng, như: màng bọc thực phẩm, muông nhựa, áo mưa, và các sản phẩm nhựa tiêu dùng khác. Đặc biệt, với nhà máy đạt chứng nhận GMP là cơ sở để Tập đoàn đầu tư phát triển sản xuất bao bì ngành dược cung ứng cho thị trường nội địa và xuất khẩu.

- Đẩy mạnh phát triển thương hiệu Nhựa Rạng Đông bền vững trên nền tảng truyền thông kỹ thuật số, xây dựng đa dạng kênh bán hàng, đặc biệt chú trọng các kênh thương mại điện tử trong nước và Quốc tế.

- Duy trì chất lượng sản xuất sản phẩm theo phương châm "Luôn Luôn Tốt Hơn", cải tiến và nghiên cứu phát triển sản phẩm mới tại Nhựa Rạng Đông Long An và Rạng Đông Films, củng cố thị trường nội địa và mở rộng thị trường phân phối nước ngoài. Rạng Đông Healthcare hứa hẹn sẽ bứt phá trong định hướng chiến lược kinh doanh với sản phẩm vải không dệt, vật tư y tế, nhựa y tế, ...

- Song song với duy trì, cải tiến và phát triển sản xuất kinh doanh, Rạng Đông Holding tiếp tục hỗ trợ các dự án cộng đồng góp phần vào

sự phát triển thịnh vượng của con người và đất nước Việt Nam.

Dự báo năm 2023 là một năm đầy thử thách với các doanh nghiệp trên thế giới nói chung và các doanh nghiệp Việt Nam nói riêng. Tuy nhiên, với kế hoạch chiến lược cụ thể, quyết tâm cao độ và sự thích ứng linh hoạt, Ban Quản trị tin rằng Tập đoàn Rạng Đông Holding sẽ duy trì sản xuất sản phẩm chất lượng, phát triển kinh doanh bền chặt, "Giữ vững niềm tin - khơi dòng bút phá" mạnh mẽ để hoàn thành và vượt tất cả chỉ tiêu đề ra. Hy vọng Quý Cổ đông, các Nhà đầu tư, Quý Đối tác, Quý khách hàng tiếp tục đồng hành cùng Rạng Đông Holding hướng đến lợi ích chung với giá trị bền vững.

Kính chúc Quý Cổ đông, các Nhà đầu tư, Quý đối tác, Quý khách hàng và toàn thể Cán bộ nhân viên Tập đoàn Rạng Đông Holding tràn đầy nhiệt huyết, vững bước thành công.

Trân trọng!

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Tập đoàn **Rạng Đông Holding**

Hồ Đức Lam

TRIẾT LÝ KINH DOANH

“Nỗ lực lao động và sáng tạo nhằm cung cấp những sản phẩm có giá trị tốt nhất, và *Luôn Luôn Tốt Hơn* cho khách hàng.”



TÂM NHÌN

Xây dựng Rạng Đông Holding trở thành một Tập đoàn kinh doanh đa lĩnh vực mang tầm vóc quốc tế với ngành Nhựa là trọng tâm.



SỨ MỆNH

1. Chất lượng, an toàn, thân thiện môi trường trên từng sản phẩm đối với cộng đồng.
2. Hợp tác phát triển cùng khách hàng, đối tác kinh doanh.
3. Ghi nhận đóng góp, chia sẻ thành quả, cơ hội thăng tiến cho cán bộ công nhân viên.
4. Tối ưu lợi nhuận, công khai, minh bạch với cổ đông và nhà đầu tư.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

1. Sáng tạo
2. Chuyên nghiệp
3. Chính trực
4. Trách nhiệm
5. Nhân tâm

GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT

Tên : **Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding**

Giấy chứng nhận ĐKDN số: **0300384357**

Vốn điều lệ: **490.698.030.000 VNĐ**

Vốn chủ sở hữu: **680.465.107.567 VNĐ**

Mã cổ phiếu: **RDP**

📍 190 Lạc Long Quân, P. 3, Q. 11, Tp. HCM.

☎ (84-028) 39692272 📠 (84-028) 39692843

🌐 <https://rangdongholding.com.vn>



RẠNG ĐÔNG HOLDING

1960
1963
1975
1977
1985
1993
1996

1960

Được thành lập với tên **UFEOC**
(Liên hiệp các xí nghiệp cao su Viễn Đông Pháp).

1963 - 1975

Nhập khẩu các máy cán, dây chuyền máy tráng
đầu tiên từ Nhật Bản và Đài Loan để sản xuất các
loại giả da PVC, PU xốp, khăn trải bàn, màng
mỏng PVC, vải tráng PVC, PU, vải dù chống thấm.

1977

Chuyển thành Nhà Máy **Nhựa Rạng Đông**, trực
thuộc Công ty Công nghệ phẩm thuộc Bộ Công
nghiệp nhẹ.

1985

Đổi tên thành Công ty **Nhựa Rạng Đông**.

1993

Thành lập Nhà máy **Nhựa Hóc Môn** chuyên sản
xuất bao bì.

1996

Thành lập Chi nhánh Công ty tại Hà Nội.



2020

Xây dựng Nhà máy **Rạng Đông Healthcare**.

2019

Thành lập Công ty cổ phần **Rạng Đông Holding**.

2017

Chính thức vận hành Nhà máy **Nhựa Rạng Đông Long An**.

2015

Xây dựng Nhà máy **Nhựa Rạng Đông Long An**.

2014

Xây dựng Nhà máy **Nhựa Tiên Sơn** tại KCN Tiên Sơn - Bắc Ninh.

2009

Xây dựng Nhà máy **Bao Bì Củ Chi**, Tp. HCM

2006

Xây dựng lại trụ sở chính tại Q. 11, Tp. HCM

2005

Công ty **Nhựa Rạng Đông** được cổ phần hoá, chính thức đi vào
hoạt động với tên gọi Công ty Cổ phần **Nhựa Rạng Đông**.

2003

Công ty chuyển về trực thuộc Bộ Công nghiệp.

2000

Thành lập Chi nhánh Công ty tại Nghệ An.

1999

Thành lập Nhà máy **Nhựa 6**.

1997

Thành lập Nhà máy **Nhựa Nha Trang** tại Nha Trang, Khánh Hoà.

2022

1 BAO BÌ MỀM ĐA LỚP



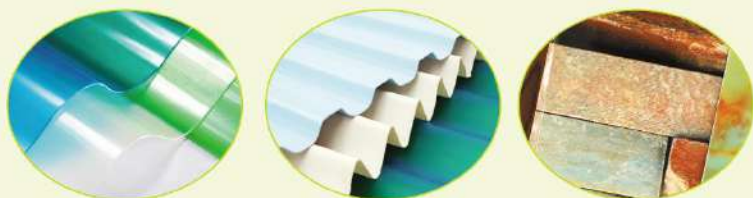
2 MÀNG NHỰA PVC, PE, EVA



3 GIÁ DA SIMILI



4 TÔN VÁN NHỰA



5 SẢN PHẨM NHỰA Y TẾ



6 MÀNG FILMS NGÀNH THỜI



7 NGUYÊN LIỆU NHỰA



8 SẢN PHẨM TIÊU DÙNG







TẬP ĐOÀN RẠNG ĐÔNG HOLDING ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC NHỮNG THÀNH QUẢ ĐẦY TỰ HÀO



Tái cơ cấu chiến lược quản trị, xây dựng thành công Tập đoàn theo mô hình Holding, hướng đến một Tập đoàn Nhựa Việt Nam mang tầm vóc quốc tế, kinh doanh đa ngành nghề, trong đó xác định Nhựa là ngành kinh doanh trọng tâm.



Xây dựng hoàn thiện, duy trì áp dụng nhiều hệ thống quản lý ISO về chất lượng, môi trường, an toàn thực phẩm, an toàn sản phẩm, phòng thí nghiệm, trách nhiệm xã hội - Điều này không chỉ khẳng định sự phát triển bền vững của Tập đoàn, đáp ứng nhu cầu của tất cả các khách hàng và yêu cầu luật định, mà còn tạo điều kiện thuận lợi để sản phẩm của Công ty thâm nhập sâu rộng đến mọi thị trường trong và ngoài nước.



Xây dựng, phát triển các công ty thành viên với thế mạnh ngành nghề kinh doanh chuyên biệt dưới sự giám sát chặt chẽ, và hỗ trợ hiệu quả từ Tập đoàn. Nhờ đó mà các công ty thành viên: Rạng Đông Long An, Rạng Đông Films, Rạng Đông Healthcare đã nhanh chóng ổn định và nâng cao năng lực sản xuất, vận hành thành thạo SAP-ERP trong quản trị doanh nghiệp và quản trị sản xuất, đảm bảo tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, từng bước phát triển vững chắc.



Xây dựng Văn phòng và Nhà máy Công ty Cổ phần Rạng Đông Healthcare tại Khu Công nghiệp Tân Đô (Long An), với diện tích 8,28 ha, tổng vốn đầu tư 850 tỉ VNĐ, đầu tư dây chuyền trang thiết bị hiện đại đáp ứng nhu cầu ngày càng nâng cao của khách hàng trong và ngoài nước.



Thông qua Hợp đồng hợp tác chiến lược với Công ty Medline Industries, INC Medline (USA) và các đối tác lớn khác, Tập đoàn đã sản xuất và cung ứng nhiều sản phẩm y tế chất lượng tốt, giá trị cao và toàn diện cho thị trường Hoa Kỳ, hướng tới trở thành nhà sản xuất sản phẩm nhựa y tế lớn nhất Việt Nam.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2022-2025

1

Xây dựng Tập đoàn Nhựa Rạng Đông mang tầm vóc quốc tế, kinh doanh đa ngành, trong đó Nhựa là ngành kinh doanh trọng tâm.

2

Trở thành thương hiệu nhựa hàng đầu tại Việt Nam, và nằm trong top 10 nhà sản xuất Bao Bì Nhựa Châu Á.

3

Trở thành nhà sản xuất sản phẩm nhựa y tế lớn nhất Việt Nam, thông qua việc sản xuất và cung ứng sản phẩm y tế cho thị trường nội địa, khu vực, và quốc tế.

4

Khai phá thị trường mới, đột phá ngành hàng mới bằng việc nghiên cứu và phát triển các sản phẩm bắt kịp nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước, dựa trên nền tảng sản phẩm & dịch vụ tốt nhất, và "Luôn Luôn Tốt Hơn".



CÁC GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC

- Nghiên cứu ứng dụng Thương mại điện tử cho tăng trưởng và ứng dụng nền tảng số hóa vào hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh. Đưa công nghệ vào hoạt động quản trị; Xây dựng hệ thống quản lý nhân sự toàn diện, và áp dụng phần mềm vào quản trị văn phòng; triển khai văn phòng điện tử, chữ ký điện tử nhằm tiết giảm chi phí, tiết kiệm thời gian và nâng cao hiệu quả công việc.
- Duy trì áp dụng & cải tiến liên tục nhiều hệ thống quản lý ISO (9001, 22000, 13485, 17025, 14001) và FSSC, SMETA để nâng cao uy tín thương hiệu nhựa Rạng Đông, giúp công ty phát triển bền vững, và đưa sản phẩm của Tập đoàn thâm nhập sâu rộng đến mọi thị trường trong và ngoài nước.
- Song song với chiến lược phát triển màng nhựa bao bì với tầm nhìn trở thành top 10 châu Á, Tập đoàn tiếp tục đổi mới, đầu tư, cải tiến công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh, đặc biệt lưu tâm đến lĩnh vực nhựa phục vụ thiết bị vật tư Y tế.
- Thay đổi cơ cấu theo hướng giữ vững tốc độ tăng trưởng của màng nhựa bao bì, và đầu tư nghiên cứu phát triển các dòng sản phẩm mới màng nhựa xây dựng, màng trong, màng màu, sản phẩm y tế, ... nhằm từng bước nâng tỷ trọng nhựa xây dựng trong cơ cấu doanh thu toàn Tập đoàn, phù hợp nhu cầu phát triển của thị trường.

- Nghiên cứu phát triển đa dạng các loại bao bì, màng thổi cho các lĩnh vực như: công nghiệp điện tử, các loại bao bì thực phẩm, bánh kẹo, nước, cà phê...
- Đầu tư hoạt động nghiên cứu và phát triển, sáng tạo ra những mẫu sản phẩm mới phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường. Đầu tư công nghệ mới, hiện đại, mở rộng sản xuất với các nhà máy có qui mô lớn đạt chuẩn quốc tế.
- Liên kết thương mại đầu tư, phân phối sản phẩm với các cụm doanh nghiệp quốc tế. Tăng cường hợp tác chiến lược với Medline Industries, INC (USA); Tham gia vào chuỗi ung ứng cho các công ty đa quốc gia như Sam sung, Apple, đồng thời tiếp tục tìm kiếm các đối tác thương mại quốc tế tầm cỡ khác để mở rộng thị trường, ngành hàng.
- Củng cố khách hàng, thị trường truyền thống; khai phá khách hàng, thị trường tiềm năng, đặc biệt thị trường Âu-Mỹ-Đông Bắc Á. Trong đó lưu ý các thị trường châu Âu (chiếm tỷ trọng trên 20% KNXX nhựa của Việt Nam); đẩy mạnh xuất khẩu vào các thị trường mục tiêu là Mỹ, Nhật, Đức...với các sp đạt tiêu chuẩn và chú trọng thị trường châu Á, nơi nhu cầu về nhựa còn nhiều tiềm năng phát triển.
- Bên cạnh đó, tìm kiếm nguồn nguyên liệu đầu vào từ nhiều nguồn khác nhau như Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia..., hoặc nghiên cứu tự chủ sản xuất nguyên liệu từ nguồn nhựa tái sinh, hoặc tận dụng nguồn nguyên liệu trong nước, tránh tình trạng lệ thuộc vào các thị trường nhập khẩu nguyên liệu như hiện tại.

S

ĐIỂM MẠNH

- Rạng Đông là thương hiệu lâu đời và uy tín tại Việt Nam với bề dày kinh nghiệm sản xuất ngành nhựa từ 1960.
- Việc lắp đặt, đầu tư công nghệ sản xuất tiên tiến và vận hành ổn định trang thiết bị máy móc thời gian qua tại các đơn vị thành viên theo tiêu chuẩn quốc tế, đã góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm & gia tăng sản lượng, tạo tiền đề phát triển trung và dài hạn cho Tập đoàn.
- Chuyển đổi mô hình quản lý tập đoàn (Holding) đã thúc đẩy chuyên môn hóa các phân hệ đầu tư, tài chính, sản xuất, kinh doanh thương mại, vận chuyển, kho bãi; đồng thời, giúp các đơn vị thành viên phát huy lợi thế kinh doanh, đảm bảo tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, từng bước phát triển vững chắc.
- Tập đoàn đã đạt được các Chứng chỉ quản lý chất lượng **ISO 9001 : 2015, ISO 22000 : 2018, ISO 17025 : 2017** chứng nhận phòng thí nghiệm đạt yêu cầu theo chuẩn quốc tế đầu tiên và duy nhất trên phạm vi toàn cầu, nâng cấp chứng nhận **FSSC 22.000** Version 5.1 và đặc biệt đã được Chứng nhận **ISO 13485: 2016** là tiêu chuẩn quy định các yêu cầu đối với hệ thống quản lý chất lượng áp dụng tại các cơ sở cung cấp dụng cụ y tế và dịch vụ liên quan, mở ra hướng kinh doanh mới cho Tập đoàn.
- Hạ tầng thông tin được quan tâm đầu tư xây dựng, và khai thác hiệu quả phục vụ cho hoạt động quản lý, sản xuất và kinh doanh. Đồng thời, xây dựng và vận hành thành công SAP-ERP trong quản trị doanh nghiệp và quản trị sản xuất, thông qua đó đã giúp quản lý doanh nghiệp hiệu quả và gia tăng lợi nhuận.

W

ĐIỂM YẾU

- Hơn 80% nguyên liệu cho ngành nhựa được nhập khẩu từ nước ngoài, do đó bị ảnh hưởng bởi các yếu tố đầu vào như : tỷ giá hối đoái, giá nguyên liệu biến động, chính sách thuế nhập khẩu ,... là hạn chế chung của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nhựa nội địa.
- Chi phí sản xuất còn cao do đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, gây áp lực lên hoạt động tài chính, dẫn đến ảnh hưởng sức cạnh tranh.
- Chưa khai thác hết tiềm năng các kênh truyền thông (Social Media).
- Dịch bệnh COVID-19 đã có tác động rất lớn đến nền kinh tế thế giới, gây ra sự suy giảm về sức mua và tăng lên mức độ không chắc chắn và rủi ro trong hoạt động kinh doanh
- Có nhiều doanh nghiệp hoạt động trong ngành nhựa và bao bì nhựa, dẫn đến sự cạnh tranh khốc liệt và giá cả cạnh tranh.



O

CƠ HỘI

- Tăng cường nghiên cứu và phát triển để tạo ra các sản phẩm mới, đột phá và tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động đến môi trường.
- Chuyển đổi sang sản phẩm thân thiện với môi trường: như bao bì tái sử dụng, bao bì thực phẩm sinh học, và các sản phẩm nhựa có khả năng tái chế.
- Cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu bằng cách phát triển sản phẩm đáp ứng nhu cầu của các thị trường khác nhau.
- Tập đoàn đã và đang đầu tư và sản xuất các sản phẩm thế mạnh như: Bao bì, giả da, màng nhựa ..., là những sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thiết yếu cung cấp nguyên phụ liệu đầu vào cho các ngành sản xuất khác, đóng góp vào việc phát triển chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Hoạt động liên kết thương mại và xuất khẩu được đẩy mạnh với mục tiêu tăng 40%/năm.

T

THÁCH THỨC

- Ngành nhựa và bao bì nhựa đang phải đối mặt với áp lực lớn từ khách hàng, chính phủ và người tiêu dùng về vấn đề môi trường và ô nhiễm. Sản phẩm nhựa và bao bì nhựa được sử dụng rộng rãi, tạo ra lượng lớn rác thải nhựa không thể phân hủy trong tự nhiên, gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người và động vật, cũng như đất đai và đại dương.
- Thách thức về sáng tạo và phát triển sản phẩm: Do tính chất phổ biến và đa dạng của nhựa và bao bì nhựa, việc tạo ra sản phẩm mới và đột phá trong thiết kế trở nên khó khăn. Tuy nhiên, cần phải tiếp tục phát triển các sản phẩm bảo vệ môi trường và có thể tái chế để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường.
- Giá cả của nguyên liệu nhựa đã tăng đáng kể trong những năm gần đây do nhiều yếu tố, bao gồm tình trạng thiếu hụt nguồn cung và giá thành năng lượng cao hơn. Điều này có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận và dẫn đến giá cả cao hơn cho người tiêu dùng.
- Sự cạnh tranh giữa các công ty trong ngành nhựa và bao bì nhựa đang ngày càng gay gắt cần phải tìm cách để tạo ra sản phẩm mới, tăng cường chất lượng và giảm chi phí sản xuất để cạnh tranh trên thị trường.
- Ngành nhựa Việt Nam còn nhiều dư địa tăng trưởng, vì vậy các doanh nghiệp nội địa phải đối mặt với cạnh tranh từ các doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp FDI.
- Nguồn hàng Trung Quốc với giá thành rẻ, màu sắc, mẫu mã đa dạng đi theo đường tiểu ngạch thâm nhập thị trường Việt Nam gia tăng áp lực cạnh tranh.



Vòng phòng thủ thứ 1



Vòng phòng thủ thứ 2



Vòng phòng thủ thứ 3



RỦI RO

GIẢI PHÁP

RỦI RO TỶ GIÁ NGOẠI TỆ

Là rủi ro xảy ra khi giá trị hợp lý, hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn cân đối các khoản vay bằng ngoại tệ với các khoản thu ngoại tệ hợp lý để giảm thiểu rủi ro.

RỦI RO LÃI SUẤT

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý, có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro, bên cạnh đó, dự kiến các phương án về lãi suất để chủ động đưa ra các quyết định liên quan nguồn vốn tài trợ hợp lý.

RỦI RO KHÁCH HÀNG

Ngoài việc quản lý nhóm khách hàng lớn đảm bảo việc duy trì và tăng trưởng doanh số, Tập đoàn còn xây dựng nhóm khách hàng mới tiềm năng.

RỦI RO VỀ NHÂN LỰC

Liên quan đến số lượng, và chất lượng tay nghề của người lao động đáp ứng nhu cầu lao động.

Thu hút nguồn nhân lực chất lượng, phát triển lực lượng lao động có trình độ cao, tổ chức tốt nguồn nhân lực, quy hoạch nhân sự quản lý với định hướng lâu dài; Đầu tư cho hoạt động đào tạo nội bộ và bên ngoài phù hợp nhằm bồi dưỡng, phát huy nguồn nhân lực kỷ luật, kỹ thuật và chất lượng cao; Xây dựng chính sách, cơ chế đãi ngộ phù hợp để gìn giữ và phát triển nguồn nhân lực chất lượng.

RỦI RO NGUỒN NGUYÊN LIỆU

Hơn 80% nguyên liệu nhựa Việt Nam phải nhập khẩu, gây ra tình trạng bị động trong sản xuất.

Quản lý tồn kho an toàn, thường xuyên đánh giá chất lượng nhà cung cấp, có kế hoạch mua hàng một cách hợp lý. Đầu tư mở rộng liên doanh liên kết, phát triển các công ty con trở thành chuỗi cung ứng sản xuất.

RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro về huy động vốn, thay đổi tỷ giá tiền tệ, rủi ro về thay đổi giá cả và các rủi ro liên quan đến tài sản và nợ phải trả.

Xây dựng các kế hoạch phòng thủ tài chính, bao gồm tạo quỹ dự phòng, lập kế hoạch định kỳ cho các chi phí cố định và chuẩn bị cho các tình huống khẩn cấp. Xem xét sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau, điều này sẽ giúp giảm thiểu rủi ro về phụ thuộc vào một nguồn duy nhất. Ngoài ra, việc thực hiện quản lý nợ hiệu quả và tăng khả năng trả nợ cũng là một biện pháp hạn chế rủi ro. Tối ưu hóa quản lý tài chính một phần quan trọng trong việc giảm thiểu rủi ro tài chính để đảm bảo rằng việc sử dụng tiền một cách hiệu quả và có đủ nguồn lực để đối phó với các rủi ro tài chính.



THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA VIỆT NAM 8 LẦN LIÊN TIẾP (2008 - 2022)

Vượt qua hơn 1000 doanh nghiệp tham gia kỳ đánh giá năm 2022, Rạng Đông Holding tự hào là một trong 172 doanh nghiệp đạt Thương hiệu Quốc gia Việt Nam do Bộ Công Thương cấp. Đặc biệt, đây là lần thứ 8 liên tiếp doanh nghiệp được công nhận danh hiệu cao quý này, là một danh hiệu danh giá và duy nhất của Chính phủ Việt Nam cấp cho các doanh nghiệp của Việt Nam, nhằm khẳng định giá trị sản phẩm đại diện cho Thương hiệu Việt Nam ở thị trường

trong nước và thị trường Quốc tế. Để 8 lần liên tiếp được công nhận danh hiệu này, Rạng Đông Holding đã không ngừng cải tiến quy trình, cập nhật kỹ thuật công nghệ, hiện đại hóa sản xuất, sẵn sàng đổi mới, sáng tạo. Từ đó, phát huy tiềm lực nội tại và bắt nhịp nhanh với xu hướng thị trường, phù hợp với phương châm "Chất Lượng - Đổi Mới, Sáng Tạo - Năng Lực Tiên Phong" của Thương hiệu Quốc gia Việt Nam.

THƯƠNG HIỆU VÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Rạng Đông Holding tự hào với Giải thưởng Thương hiệu Vàng Thành phố Hồ Chí Minh, chủ động trong công tác xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu, truyền thông mạnh mẽ các sản phẩm gắn liền với thương hiệu như : bao bì mềm, màng mỏng, giá đa, tôn ván nhựa, ... góp phần khẳng định giá trị thương hiệu hơn 62 năm hình thành và phát triển, tăng sự nhận diện thương hiệu trên thương trường.



BAO BÌ VIỆT NAM 2022 BAO BÌ XANH VÌ TRÁI ĐẤT XANH

Giải thưởng vinh danh các doanh nghiệp sản xuất bao bì có sản phẩm bao bì xuất sắc với ý tưởng sáng tạo, mang tính hữu dụng và thân thiện môi trường theo phương châm "Bao bì xanh vì trái đất xanh" góp phần đề cao, tôn vinh vai trò của ngành công nghiệp bao bì trong nền kinh tế Việt Nam. Nhựa Rạng Đông tự hào với Giải thưởng Bao bì Việt Nam năm 2022. Doanh nghiệp sẽ không ngừng nghiên cứu, sáng tạo, cải tiến sản xuất để cho ra đời nhiều dòng sản phẩm bao bì chất lượng, tối ưu chi phí, dễ dàng tái chế và giảm thiểu các yếu tố tác động đến môi trường.



GIẢI THƯỞNG
TIÊU BIỂU ĐẠT ĐƯỢC



8 LẦN LIÊN TIẾP
ĐƯỢC VINH DANH
THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



TRÊN **40** NĂM
DOANH NGHIỆP
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



26 NĂM LIÊN TIẾP
ĐẠT DANH HIỆU
HÀNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG CAO



15 NĂM LIÊN TIẾP
ĐẠT DANH HIỆU
SAO VÀNG ĐẤT VIỆT



TOP **5** BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
TỐT NHẤT





FSSC 22000 VERSION 5.1

- Tháng 01/2022, SGS cấp giấy chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm FSSC 22000 nâng cấp phiên bản 5.1 cho phạm vi sản xuất sản phẩm bao bì nhựa, đáp ứng yêu cầu của nhiều khách hàng (Ajinomoto, Pepsi, Coca, Acecook, Vinamilk, Dutch lady, Phạm Nguyên, Trung Nguyên, v.v...).
- Là tiêu chuẩn ngang cấp và có thể thay thế cho các tiêu chuẩn thực phẩm đã từng được GFSI công nhận trước đây như BRC, IFS, SQF.
- Lợi ích sau khi đạt được chứng chỉ:
 - + Đảm bảo doanh nghiệp tuân thủ đúng các yêu cầu pháp luật về an toàn thực phẩm.
 - + Nâng cao uy tín, năng lực cạnh tranh.
 - + Phát triển được một hệ thống quản lý hoàn thiện, hiệu quả, đảm bảo an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng khi sử dụng.
 - + Nâng cao sự thoải mái của khách hàng.
 - + Giúp doanh nghiệp nhận diện và kiểm soát được mối nguy về an toàn thực phẩm, giảm thiểu các chi phí phát sinh do rủi ro về chất lượng như thu hồi, tiêu hủy sản phẩm.
 - + Giúp doanh nghiệp chủ động ứng phó với các rào cản thương mại quốc tế, tăng cơ hội xuất khẩu, thâm nhập các thị trường lớn trên thế giới.
 - + Giảm tần suất kiểm tra của các cơ quan chức năng.
 - + Cải thiện mối quan hệ tốt cả 3 bên : Doanh nghiệp, Nhà nước, Người tiêu dùng.



ISO 13485:2016

- Tháng 05/2022, Công ty hoàn thành tốt cuộc đánh giá giám sát của BSI và được tiếp tục duy trì hiệu lực giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng – Trang thiết bị y tế phù hợp tiêu chuẩn ISO 13485:2016.
- Ý nghĩa chứng nhận ISO 13485:2016: là một tiêu chuẩn quốc tế đưa ra các yêu cầu liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng và an toàn cho sản phẩm y tế, nhằm giảm thiểu rủi ro liên quan an toàn sản phẩm y tế, sản phẩm được tạo ra an toàn, nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách hàng và yêu cầu luật pháp.
- Lợi ích sau khi đạt được chứng chỉ:
 - + Đáp ứng được yêu cầu bắt buộc của Nghị định 98/2021/NĐ-CP về quản lý trang thiết bị y (Cơ sở sản xuất trang thiết bị y tế phải hoàn thành việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 13485).
 - + Quản lý rủi ro được cải thiện: Kiểm soát các mối nguy, kiểm soát vệ sinh và nhiễm bẩn và có phương án triển khai cụ thể.
 - + Tăng tính an toàn của sản phẩm cho bệnh nhân và người dùng.
 - + Kiểm soát hiệu quả các quy trình nội bộ và tối thiểu hóa nguy cơ sai lỗi.
 - + Tạo ra khả năng thâm nhập vào các thị trường quốc tế, vì chứng nhận ISO 13485 được xem như là bước đầu tiên hướng tới việc đạt được sự phù hợp với các yêu cầu luật định của Châu Âu, Châu Mỹ.



ISO/IEC 17025:2017

- Tháng 07/2022, Công ty hoàn thành tốt cuộc đánh giá giám sát của BOA và đáp ứng được các yêu cầu về duy trì việc công nhận theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
- Ý nghĩa chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017 : Là yêu cầu chung đối với năng lực của các phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn là tiêu chuẩn ISO cao nhất được sử dụng bởi các phòng thử nghiệm, giúp phòng thí nghiệm có cơ hội tập trung mọi nguồn lực để nâng cao năng lực, khẳng định độ tin cậy đối với kết quả các phép đo/phép thử/hiệu chuẩn.
- Lợi ích sau khi đạt được chứng chỉ:
 - + Tạo nền móng cho sản phẩm có chất lượng.
 - + Chứng minh chất lượng sản phẩm, yêu cầu kỹ thuật của đáp ứng sự mong đợi của khách hàng
 - + Nâng cao hình ảnh về một hệ thống quản lý kỹ thuật đạt tiêu chuẩn mà khách hàng, đối tác và người tiêu dùng mong đợi, tin tưởng.
 - + Quản lý hiệu quả nguồn nhân lực, tích lũy những bí quyết làm việc – yếu tố cạnh tranh đặc biệt của sản phẩm PTN.
 - + Được chấp nhận giữa các quốc gia khác nhau mà không phải tiến hành kiểm tra lại nên rất có ích trong việc giảm bớt các rào cản thương mại và pháp lý.



ISO 9001:2015

- Công ty đã được tái chứng nhận tiêu chuẩn ISO 9001:2015 vào tháng 01/2022. Hệ thống tài liệu tiêu chuẩn hóa được sử dụng để phát hiện các sai sót và nguy cơ tiềm tàng, từ đó giúp tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu suất làm việc, tối ưu hóa nhân lực và đảm bảo sự phát triển bền vững trong môi trường cạnh tranh. Điều này cũng đáp ứng nhu cầu của khách hàng và đối tác.



ISO 14001:2015

- Công ty đã đạt được tái chứng nhận tiêu chuẩn ISO 14001:2015 vào tháng 07/2022. Tiêu chuẩn này đặt ra các yêu cầu cho Hệ thống quản lý môi trường, giúp Công ty sử dụng nguồn lực hiệu quả hơn, giảm lãng phí, và tạo lợi thế cạnh tranh. Chứng chỉ này cũng là bằng chứng cho việc tuân thủ các quy định pháp lý và cam kết của Công ty trong việc hạn chế tác động môi trường, đồng thời tạo giá trị thương hiệu trong thời đại yêu cầu trách nhiệm với môi trường của khách hàng.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH CHUNG

Tình hình kinh tế xã hội trong năm 2022: Bối cảnh kinh tế - xã hội trong năm 2022 trải qua nhiều biến động lớn, bất ổn và khó khăn. Cụ thể như sau:

- Tình hình kinh tế - xã hội, dịch bệnh đã được kiểm soát ổn định, tiếp tục tăng trưởng hầu hết các ngành, lĩnh vực tuy nhiên tốc độ tăng trưởng có chậm lại trong giữa cuối quý 03 và quý 04 năm 2022 do diễn biến phức tạp của nền kinh tế thế giới về chính sách tiền tệ, xung đột vũ trang, biến đổi khí hậu, an ninh lương thực và năng lượng toàn cầu.

- Căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế, tuy không tiếp tục leo thang, nhưng vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, làm ảnh hưởng hoạt động cung ứng, sản xuất hàng hóa trên thế giới đặc biệt là xung đột Nga-Ukraine.

- Lạm phát tăng cao ở Mỹ và châu Âu và các nước phát triển dẫn đến việc giá cả hàng hoá tăng cao, thắt chặt chi tiêu, FED tăng lãi suất, nhu cầu hàng hoá giảm.

- Tăng trưởng kinh tế có dấu hiệu phục hồi hơn so với năm 2021 Do các tác động khách quan, các ngành bao bì, giả da, màng mỏng, tôn ván có dấu hiệu chậm lại, gây ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ. Mặc dù vậy, với sự điều hành linh hoạt của Chính phủ và các Bộ

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Tình hình thị trường bao bì, tôn ván, màng mỏng, giả da và sản phẩm y tế trong năm 2022 tuy có sự khởi sắc so với các năm trước đây, nhưng nhìn chung vẫn còn nhiều bất ổn, khó lường:

• Giá nguyên liệu tiếp tục biến động phức tạp gây tác động đến chi phí mua nguyên liệu phục vụ sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp bao bì, giả da, màng mỏng và sản phẩm y tế, đặc biệt ảnh hưởng của giá dầu trong nước và thế giới.

• Chính sách bảo hộ sản xuất nội địa, phòng vệ thương mại tại các thị trường xuất khẩu tiếp tục duy trì và có xu hướng gia tăng, làm ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu của các

ngành, cũng như nỗ lực của các doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội trong nước có một số điểm sáng thuận lợi:

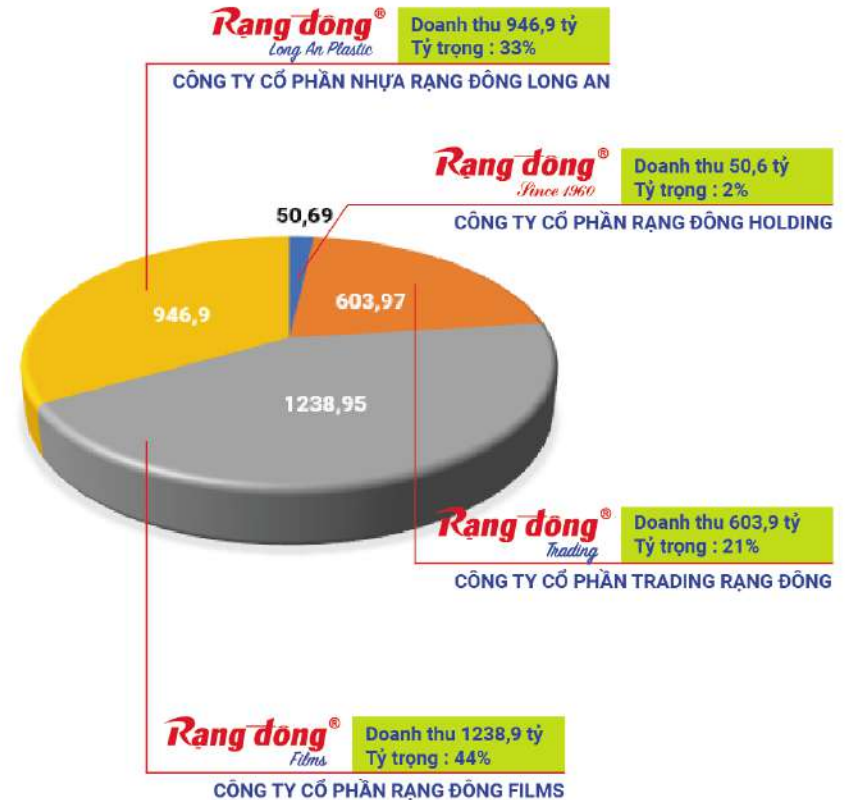
+ Đại dịch COVID-19 tại Việt Nam đã được kiểm soát tốt Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đã phát huy tác dụng. Tính đến cuối năm 2022, nền kinh tế đang trên đà phục hồi, nhu cầu tiêu thụ tăng trưởng trở lại.

+ Việt Nam năm 2022 đã có sự phục hồi mạnh mẽ. Trong đó, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được bảo đảm. Điểm sáng nổi bật là GDP năm 2022 ước tính tăng 8,02%. Vốn đầu tư công vào các dự án xây dựng cơ bản, hạ tầng được giải ngân đúng tiến độ, góp phần tạo ra nhu cầu đối với các sản phẩm bao bì, giả da, màng mỏng, tôn ván và sản phẩm y tế.

+ Hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, để lại nhiều dấu ấn quan trọng, nhiều Hiệp định tự do thương mại được ký kết, trong đó các Hiệp định tiêu chuẩn cao, thị trường rộng như: Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CTTPP); Hiệp định tự do thương mại song phương Việt Nam - Châu Âu (EVFTA); Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP)... đã mở ra nhiều cơ hội cho việc phát triển kinh tế.

doanh nghiệp.

• Thị trường nội địa tiếp tục cạnh tranh khốc liệt. Các doanh nghiệp nhóm sản phẩm bao bì phải đối mặt với nhiều vấn đề, trong đó nổi bật là: Công suất sản xuất dư thừa; Thiên tai, bão lũ, dịch bệnh làm ảnh hưởng, gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh; thiếu năng lượng toàn cầu đẩy giá năng lượng tăng cao, tình hình biến động giá dầu làm cho chi phí giá Nguyên liệu biến động phức tạp, chi phí vận chuyển tăng cao, lãi suất tăng cao chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, nhu cầu tiếp cận nguồn vốn khó khăn ;Tình trạng hàng giả, hàng nhái gia tăng; Sản lượng bao bì giá rẻ, kém chất lượng vẫn được nhập khẩu ồ ạt vào Việt Nam.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH BA NĂM (2020-2021-2022)

Chỉ tiêu	Mã số	2022	2021	2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	2,862,075,156,591	2,721,143,077,946	2,757,291,165,161
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21,539,479,129	9,766,918,120	12,980,615,506
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	2,840,535,677,462	2,711,376,159,826	2,744,310,549,655
4. Giá vốn hàng bán	11	2,612,001,189,042	2,487,882,961,885	2,549,288,942,428
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	228,534,488,420	223,493,197,941	195,021,607,227
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	11,534,464,589	5,159,839,033	559,732,803
7. Chi phí tài chính	22	103,179,745,878	95,671,952,916	94,037,101,902
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	90,167,450,331	89,910,534,050	93,600,289,772
8. Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	316,769,070	(964,776,922)	1,108,137,938
9. Chi phí bán hàng	25	36,850,746,473	28,085,190,818	34,026,558,977
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	77,705,031,472	66,733,930,378	61,880,854,685
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	22,650,198,256	37,197,185,941	6,744,962,404
12. Thu nhập khác	31	2,117,982,707	20,783,758,552	6,026,781,573
13. Chi phí khác	32	3,590,664,752	5,146,009,573	4,035,091,449
14. Lợi nhuận khác	40	(1,472,682,045)	15,637,748,979	1,991,690,124
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	21,177,516,211	52,834,934,920	8,736,652,528
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	8,642,932,289	14,890,291,935	5,725,251,758
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	(3,357,829)	215,826,981	(189,665,786)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	12,537,941,751	37,728,816,004	3,201,066,556
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61	7,962,033,707	33,031,615,015	1,379,173,509
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	4,575,908,044	4,697,200,989	1,821,893,047
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	163	693	29

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Chỉ tiêu	Mã số	Kế hoạch 2022	2022	2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	2,771,334,819,017	2,862,075,156,591	2,721,143,077,946
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	21,539,479,129	9,766,918,120
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	2,771,334,819,017	2,840,535,677,462	2,711,376,159,826
4. Giá vốn hàng bán	11	2,459,163,643,411	2,612,001,189,042	2,487,882,961,885
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	312,171,175,607	228,534,488,420	223,493,197,941
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	-	11,534,464,589	5,159,839,033
7. Chi phí tài chính	22	90,531,021,635	103,179,745,878	95,671,952,916
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	90,531,021,635	90,167,450,331	89,910,534,050
8. Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	-	316,769,070	(964,776,922)
9. Chi phí bán hàng	25	54,532,021,072	36,850,746,473	28,085,190,818
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	91,949,462,328	77,705,031,472	66,733,930,378
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	75,158,670,572	22,650,198,256	37,197,185,941
12. Thu nhập khác	31	-	2,117,982,707	20,783,758,552
13. Chi phí khác	32	-	3,590,664,752	5,146,009,573
14. Lợi nhuận khác	40	-	(1,472,682,045)	15,637,748,979
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	75,158,670,572	21,177,516,211	52,834,934,920
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	16,942,164,279	8,642,932,289	14,890,291,935
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	(3,357,829)	215,826,981
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	58,216,506,293	12,537,941,751	37,728,816,004
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61	-	7,962,033,707	33,031,615,015
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	-	4,575,908,044	4,697,200,989
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	-	163	693

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT

- Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An tiếp tục duy trì và phát triển sản xuất các dòng sản phẩm giá da, bao bì mềm đều đang dư công suất, đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu giúp công ty tăng trưởng doanh số, gia tăng lợi nhuận, nâng cao giá trị thương hiệu công ty; đầu tư hoạt động marketing, xây dựng sản thương mại điện tử làm gia tăng sự hiện diện thương hiệu tại các thị trường lớn và thị trường tiềm năng.

- Công ty Cổ phần Trading Rạng Đông mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh thương mại nguyên liệu chính phục vụ ngành nhựa: hạt nhựa, hóa dẻo, DOP, ... nhằm chủ động nguồn nguyên liệu, từng bước khép kín chuỗi giá trị nhằm gia tăng giá trị cho khách hàng và cổ đông;

- Công ty cổ phần Rạng Đông Films tập trung phát triển mạnh các dòng sản phẩm màng PE, PVC, màng nhà kính, màng phủ nông nghiệp, túi siêu thị nhằm đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm, gia tăng thị phần, doanh thu và lợi nhuận;

- Chăm sóc tốt khách hàng, phát triển khách hàng mới ngành bao bì nhựa, các dòng sản phẩm phục vụ ngành Y tế, vải không dệt đảm bảo tăng trưởng thị phần, doanh số và lợi nhuận;

- Tiếp cận các nguồn vốn vay từ các ngân hàng và các gói hỗ trợ tín dụng lãi suất thấp của chính phủ hỗ trợ doanh nghiệp trong năm 2022 và 2023 với lãi suất (2-3)%/năm.

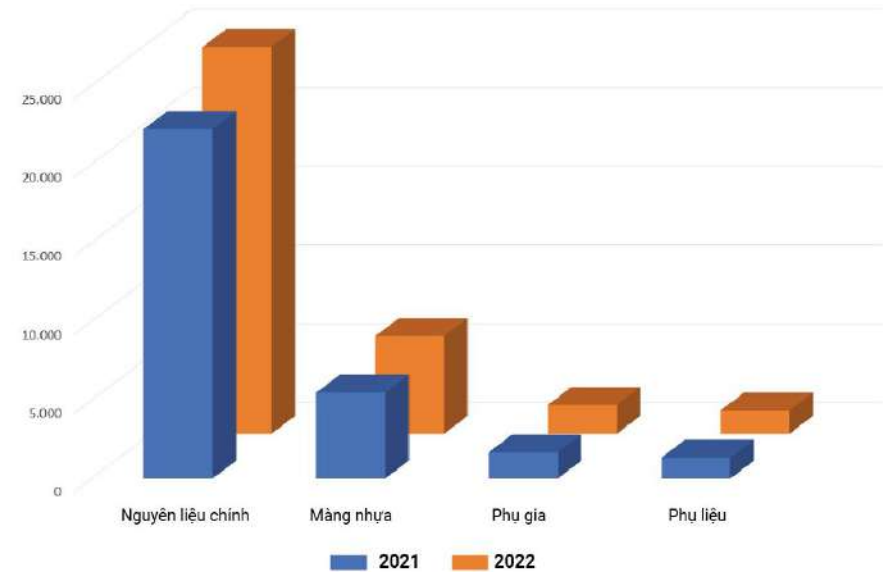
- Tiếp tục chương trình đào tạo, huấn luyện đội ngũ quản lý cùng với cán bộ nhân viên, công nhân để chuyên nghiệp hóa công việc theo hướng công nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường và khách hàng cũng như quản lý hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp cắt giảm, tiết kiệm chi phí trong tất cả các công ty thành viên, liên kết & tất cả các phòng ban, nhà máy trong mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh.



TỔNG LƯỢNG NGUYÊN LIỆU SỬ DỤNG

STT	Nhóm	ĐVT	2021	2022	Tỷ lệ %	Tăng trưởng
1	Nguyên liệu chính	tấn	22.218	24.604	11%	2.386
2	Màng nhựa	tấn	5.461	6.206	14%	745
3	Bán thành phẩm áo y tế	cái	1.545.730	1.681.192	9%	135.462
4	Phụ gia	tấn	1.665	1.831	10%	166
5	Phụ liệu	tấn	1.326	1.473	11%	147



HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Trong năm 2022, thực hiện gần 10 hạn mục đầu tư máy móc thiết bị cho khối sản xuất, các dự án đã được lập kế hoạch từ đầu năm, trước khi thực hiện sẽ được phân tích đánh giá đầy đủ ở nhiều khía cạnh khác nhau và phân bổ các nguồn lực, đồng tiền chi ra một

cách hiệu quả nhất nhưng vẫn đảm bảo các dự án được triển khai kịp thời, đáp ứng nhu cầu của công ty và thị trường.

Các máy móc thiết bị này được đầu tư với công nghệ hiện đại, công suất cao từ những nhà cung cấp có uy tín cao trên thị trường quốc tế.



Hệ thống tiết trùng



Hệ thống sản xuất túi siêu thị



Máy ép phun

MỘT SỐ DỰ ÁN TIÊU BIỂU

Vẽ sản phẩm

- Giá da PVC xuất khẩu sang các thị trường Châu Âu, Mỹ: đạt tiêu chuẩn REACH (của Châu Âu), tiêu chuẩn CAB2998 & PROP65 (của Mỹ)
- Màng PVC chống trầy xước để sản xuất sản phẩm gạch nhựa PVC lót sàn nhà SPC
- Các sản phẩm sử dụng trong ngành y tế xuất khẩu sang thị trường Mỹ đạt tiêu chuẩn FDA, ISO13485: ống hút dịch PVC, các sản phẩm nhựa PP sử dụng một lần
- Cải tiến công nghệ sản phẩm, phát triển sản phẩm mới, tìm NCC thay thế, thử nghiệm & đưa nguyên liệu mới, nguyên liệu thay thế đạt vượt so với mục tiêu.

Vẽ thiết bị

- Vận hành 2 máy cán 2500, máy sản xuất vải không dệt phục vụ sản xuất.
- Cải tiến khuôn dập màng PE gown.
- Lắp hệ thống sản xuất túi siêu thị (6 máy thổi và 6 máy cắt) và đã đưa vào hoạt động với năng suất trung bình 80T/tháng.

Vẽ công nghệ

- Cải tiến chuyển đổi công thức thổi màng LLDPE từ trong sang đục, giảm in lót trắng giúp tiết kiệm chi phí trong sản xuất, tiết giảm giá thành.
- Đưa trạm dung môi trung tâm vào hoạt động, tự pha dung môi, giúp tiết kiệm chi phí.
- Nghiên cứu và đưa vào sản xuất thành công hơn 15 loại nguyên liệu mới có giá cạnh tranh.



Máy cán sản xuất màng PE



Máy sản xuất vải không dệt PP

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2.461.293.854.219	2.222.429.385.004	11%
Doanh thu thuần	2.840.535.677.462	2.711.376.159.826	5%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	22.650.198.256	37.197.185.941	-39%
Lợi nhuận khác	(1.472.682.045)	15.637.748.979	-109%
Lợi nhuận trước thuế	21.177.516.211	52.834.934.920	-60%
Lợi nhuận sau thuế	12.537.941.751	37.728.816.004	-67%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	163	29	463%



Hậu quả của năm 2021, dịch bệnh CoViD-19 bùng phát đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tất cả các quốc gia trên thế giới, nền kinh tế toàn cầu rơi vào suy thoái nghiêm trọng và kéo dài qua năm 2022, 2023. Việt Nam cũng không ngoại lệ, nền kinh tế tăng trưởng ở mức thấp so với tiềm năng. Song, Chính phủ đã có nhiều giải pháp & chính sách tài khoá, an sinh xã hội một cách quyết liệt, kịp thời nhằm thúc đẩy nền kinh tế vượt qua nhiều khó khăn, thách thức. Nhờ vậy, Việt Nam đạt mức tăng trưởng GDP là 8.02%, nằm trong nhóm các nước tăng trưởng kinh tế cao trên thế giới.

Trước tình hình diễn biến thị trường đầy biến động và phức tạp, nguyên vật liệu đầu vào khan hiếm, tăng giá & nhu cầu sản phẩm đầu ra sụt giảm rất lớn – Nên ngay từ đầu năm

2022, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã chủ động, linh hoạt đưa ra nhiều giải pháp và hành động để ứng phó và đảm bảo phát triển sản xuất kinh doanh hiệu quả. Kết quả năm 2022, doanh thu thuần đạt 2,840 tỷ đồng, đạt 102 % kế hoạch, tạo công ăn việc làm ổn định cho cán bộ nhân viên. Năm 2022, mặc dù gặp nhiều khó khăn về tài chính, nhưng BLĐ công ty vẫn kiên định với chiến lược phát triển lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, vật tư tiêu dùng thuộc lĩnh vực y tế bằng cách đẩy nhanh tiến độ & hoàn thành việc xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị, đi vào sản xuất thử đối với khu liên hợp sản xuất sản phẩm cho ngành y tế, với diện tích 8,28 ha, tổng vốn đầu tư 850 tỷ đồng cũng ngay tại KCN Tân Đô, Long An.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			Phản ánh khả năng thanh toán nợ phải trả của doanh nghiệp. Doanh nghiệp đảm bảo thanh toán tốt, khả năng thanh khoản cao
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,22	1,12	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,55	0,50	

CƠ CẤU VỐN

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Ghi chú
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			Tổng nợ/ Tổng tài sản: Thể hiện thước đo tài sản được hình thành từ Nợ thay vì Vốn chủ sở hữu
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,72	0,77	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	2,62	3,40	

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Ghi chú
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			Giá Vốn/Hàng tồn kho bình quân: Chỉ số càng cao phản ánh khả năng bán hàng nhanh, không bị tồn kho trong doanh nghiệp
+ Vòng quay hàng tồn kho:	3,25	4,36	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Vòng quay tổng tài sản:	1,21	1,21	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân			

KHẢ NĂNG SINH LỜI

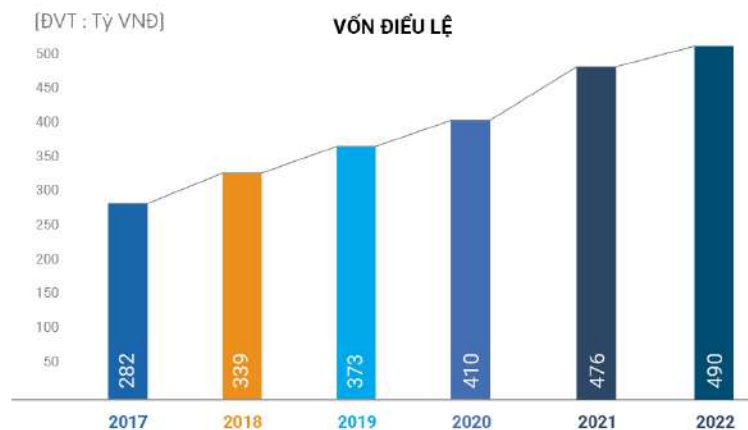
Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu. Chỉ số càng cao thì doanh nghiệp hoạt động càng tốt. ROE: Thể hiện mức độ hiệu quả việc sử dụng vốn chủ sở hữu.
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,44	1,39	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	1,84	7,47	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,51	1,70	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần	0,80	1,37	

THÔNG TIN CỔ PHẦN

Vốn điều lệ của Tập đoàn	490.698.030.000 VNĐ
Tổng số cổ phần	49.069.803 cổ phần
Cổ phần chuyển nhượng tự do	49.043.579 cổ phần
Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	26.224 cổ phần
Loại cổ phần đang lưu hành	phổ thông
Mệnh giá 1 cổ phiếu	10.000 VNĐ

CƠ CẤU CỔ ĐỒNG

Nội dung	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	% vốn điều lệ
Tổng số cổ đông	1.519	49.069.803	100%
Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
Tổng	1.519	49.069.803	100%
Cổ đông lớn, nhỏ	1.519	49.069.803	100%
* Cổ đông lớn	1	24.593.275	50,12%
* Cổ đông nhỏ	1.518	24.476.528	49,88%
Cổ đông trong nước	1.488	48.911.518	99,68%
* Tổ chức	21	120.518	0,25%
* Cá nhân	1.467	48.791.000	99,43%
Cổ đông nước ngoài	31	158.285	0,32 %
* Tổ chức	5	4.271	0,01%
* Cá nhân	26	154.014	0,31%



TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Nội dung	ĐVT	Thời gian phát hành	Giá trị phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành
Vốn Điều lệ đầu năm 2016	Đồng		156.921.140.000	156.921.140.000
Tăng vốn từ việc phát hành cổ phiếu thưởng và ESOP	Đồng	Tháng 01/2016	24.417.270.000	181.338.410.000
Tăng vốn từ việc chào bán cổ phiếu ra công chúng	Đồng	Tháng 10/2016	47.148.000.000	228.486.410.000
Tăng vốn từ việc chia cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu	Đồng	Tháng 02/2017	54.374.350.000	282.860.760.000
Tăng vốn từ việc chia cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu	Đồng	Tháng 10/2018	56.567.860.000	339.428.620.000
Tăng vốn từ việc chia cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu	Đồng	Tháng 12/2019	33.938.540.000	373.367.160.000
Tăng vốn từ việc chia cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu	Đồng	Tháng 12/2020	37.332.050.000	410.699.210.000
Tăng vốn từ việc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	Tháng 06/2021	65.706.650.000	476.405.860.000
Tăng vốn từ việc phát hành cổ phiếu ESOP	Đồng	Tháng 03/2022	14.292.170.000	490.698.030.000

**BÁO CÁO TÁC ĐỘNG
LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI**

TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Khí thải phát ra chủ yếu là hơi nước, CO2, CH4, N2O, O3, các khí CFC sinh ra từ hoạt động sản xuất, trong đó chủ yếu là từ O3 nguồn phát thải do điện và nhiệt nóng và đầu DO
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Nhà máy luôn trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên và kết hợp ứng dụng công nghệ điện mặt trời với công suất thiết kế 4,2mwp và đã duy trì vận hành thương mại (COD) ổn định từ cuối năm 2019 đến nay, được cấp chứng chỉ năng lượng xanh sạch
- Các máy móc trọng điểm như hấp xốp, tráng, máy xử lý, hồ vải, cụm 04 máy cán, đầu nhiệt, ... có trạng bị hệ thống xử lý khí thải đang trong tình trạng hoạt động tốt.
- Quan trắc môi trường được thực hiện tuân suất 1 năm/ 1 lần để kiểm tra thường xuyên thực trạng phát thải theo dõi và báo cáo định kỳ.



HOẠT ĐỘNG TÁI SẢN XUẤT NGUỒN NGUYÊN LIỆU

Tái sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ là mục tiêu trọng tâm của hành động bảo vệ môi trường, và tiết giảm chi phí trong sản xuất. Đây là hoạt động thật sự không chỉ mang lại lợi ích lớn về mặt kinh tế cho doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa lâu dài cho môi trường.

PHẾ LIỆU TÁI CHẾ				
Nguyên vật liệu	ĐVT	Số lượng tái chế 2022	Số lượng tái chế 2021	Tỷ lệ %
Phế liệu N1, N2 (khu vực cán)	tấn	464,543	461,139	0,77
Phế liệu N3, N4 (khu vực cán)	tấn	73,406	32,298	127,3
Phế liệu tole, ván nhựa	tấn	344,429	211,570	55,4
Phế liệu N25, N27 (màng PE-EVA)	tấn	1,384	43,370	-96,8

GIẢI PHÁP XỬ LÝ PHẾ LIỆU

- Áp dụng mô hình 3B trong sản xuất, gồm 3 bước:

- Bước 1: Quay vòng tái chế 25% tổng phế liệu phát sinh;
- Bước 2: Thu hồi những phế liệu có thể sử dụng lại trong sản xuất;
- Bước 3: Chuyển những phế liệu, dung môi khó xử lý cho đơn vị xử lý môi trường bên ngoài.

- Áp dụng Kaizen đột phá trong sản xuất đưa phế liệu vào quay vòng hiệu quả.

- Việc đầu tư các MMTB hiện đại (Hệ thống Scada cân tự động cho máy Cán C3, HT hút NL: PVC, CACO3 tự động, hệ thống làm lạnh trung tâm: Chiller smart, Cooling Tower, hệ thống tháp thu hồi DOP...) đã giúp tăng cường hiệu quả sử dụng NVL, giảm phế liệu phát sinh.

- Triển khai quay vòng phế liệu tái chế ngay tại nguồn phát sinh.

- Đào tạo nâng cao nhận thức của người lao động trong việc tái chế phế liệu, xem đây là giải pháp nhằm gia tăng thu nhập, bảo vệ môi trường sống đến người lao động.



"Nhựa Rạng Đông đầu tư năng lượng mặt trời" Hiện nay, nhân loại đang phải đối mặt với việc các nguồn tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt. Đã có nhiều ý kiến cho rằng nguồn năng lượng tái tạo chính là nguồn năng lượng tương lai. Vậy nguồn năng lượng tái tạo này là gì, lấy nó từ đâu? Với sự phát triển vượt bậc của ngành khoa học năng lượng, các nhà khoa học đã có lời giải đáp:

Hệ thống có nguồn năng lượng tái tạo nào dồi dào hơn năng lượng mặt trời?

Theo tự điển bách khoa toàn thư mở Wikipedia, năng lượng tái tạo hay năng lượng tái sinh là năng lượng từ những nguồn liên tục mà theo chuẩn mực của con người là vô hạn như năng lượng mặt trời, gió, mưa, thủy triều, sóng và địa nhiệt. Nguyên tắc cơ bản của việc sử dụng năng lượng tái sinh là tách một phần năng lượng từ các quy trình diễn biến liên tục trong môi trường và đưa vào trong các sử dụng kỹ thuật. Các quy trình này thường được thúc đẩy đặc biệt là từ mặt trời. Năng lượng tái tạo thay thế các nguồn nhiên liệu truyền thống trong 4 lĩnh vực gồm: phát điện, đun nước nóng, nhiên liệu động cơ, và hệ thống điện độc lập nông thôn.

Thật vậy, nguồn năng lượng miễn phí có sẵn khoảng 12 tiếng mỗi ngày và thậm chí nhiều hơn để khai thác mà Việt Nam ta với khí hậu nhiệt đới gió mùa nắng nóng quanh năm là một lợi thế. Năng lượng mặt trời đang dần trở thành một trong những nguồn năng lượng tái tạo được tận dụng nhiều nhất, và các nhà sản xuất đang tìm kiếm nhiều cách tốt hơn để khai thác nguồn năng lượng này. Đó là các dự án ứng dụng lắp đặt pin năng lượng mặt trời trên mái nhà, phương tiện giao thông, quần áo, điện thoại di động và nhiều hơn nữa.

Tập đoàn Rạng Đông (Rạng Đông Holding) luôn đi đầu trong việc đầu tư công nghệ. Với tư cách là Chủ tịch Hiệp hội Nhựa Việt Nam, ông Hồ Đức Lam, Chủ tịch HĐQT tập đoàn Nhựa Rạng Đông với tầm nhìn quản trị của mình, dẫn đầu trong Chiến lược Phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, năng lượng tái tạo được xác định là một trong ba lĩnh vực được Chính phủ đặc biệt ưu tiên, ông đã tiên phong lập đặt hệ thống năng lượng mặt trời cho toàn bộ các nhà máy Công ty Nhựa Rạng Đông Long An tại khu công nghiệp Tân Đông, huyện Đức Hòa, Long An. Đây là dự án lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời trên mái nhà lớn nhất Việt Nam và Đông Nam Á tính tới thời điểm này đối với một DN.

Quả thật, dự án năng lượng mặt trời mà Tập đoàn Rạng Đông (Rạng Đông Holding) đang triển khai cho các nhà máy với tổng công suất điện năng lên đến 4,5MW thì đúng là đang dẫn đầu về quy mô tại Việt Nam và Đông Nam Á. Với công suất này, hệ thống năng lượng mặt trời của Tập đoàn Rạng Đông hoàn toàn có khả năng hòa với mạng lưới điện quốc gia cung cấp nguồn điện cho địa phương. Được biết dự án này sử dụng bộ chuyển đổi điện Inverter từ nhà sản xuất ABB của Ý uy tín nhất thế giới hiện nay; hệ thống tấm pin nhà đầu tư chọn thương hiệu Canadian của Canada. Vì vậy tổng vốn đầu tư của dự án đã lên đến 90 tỉ đồng. Indefol là đơn vị tư vấn, thiết kế, lắp đặt đã được Tập đoàn Rạng Đông lựa chọn bởi Indefol là đối tác uy tín của các tập đoàn hàng đầu thế giới như Adidas, Nike, Formosa... trong nhiều dự án về công nghệ mà họ đang đầu tư cho các nhà máy sản xuất của họ..."

(NGUỒN: Trích từ Trang tin điện tử Hội Bảo vệ thiên nhiên và Môi trường TP. HCM)

TIÊU THỤ NƯỚC

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nguồn nước cấp của toàn nhà máy được đầu nối trực tiếp từ hệ thống cấp nước do KCN Tân Đông Long An cung cấp (RLP), và Công ty Cấp nước Củ Chi cấp (RDF).



TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tập đoàn luôn nghiêm túc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, thể hiện qua các hoạt động & kết quả:

- Duy trì hiệu lực chứng nhận ISO 14001: 2015 (Hệ thống quản lý môi trường - Các yêu cầu & hướng dẫn sử dụng).
- Tổ chức trang bị các thùng chứa, xe chứa để phân loại rác tại nguồn theo từng đơn vị nhỏ.
- Tổ chức đào tạo, tập huấn việc phân loại rác tại nguồn, 5S, bảo vệ môi trường lao động cho tất cả CBNV.
- Xây dựng nhà chứa rác sinh hoạt, rác nguy hại & rác công nghiệp để quản lý rác thải tập trung.
- Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng xử lý rác thải nguy hại, rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp & phối hợp giao nhận xử lý hàng

Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

- Hệ thống nước hiện dụng của Tập đoàn là hệ thống nước trung tâm và vận hành tuần hoàn, được xem là hệ thống tối ưu về sử dụng nước. Do vậy, lượng nước thất thoát được kiểm soát khá tốt, với thể tích bốc hơi và rò rỉ dưới 4m³/ngày tại khu vực Nhà máy Long An, và trên 1m³/ngày tại Nhà máy Củ Chi.

tuần, hàng tháng.

- Ký hợp đồng với đơn vị đo quan trắc môi trường & lập báo cáo định kỳ hàng quý.
- Ký hợp đồng với đơn vị đo quan trắc môi trường lao động & đo đạc các chỉ tiêu trong toàn công ty.
- Hệ thống nước thải được thu gom xử lý đạt loại A & ký Hợp đồng xả thải với BQL Khu công nghiệp.
- Trên 80% diện tích mái nhà xưởng được hợp tác lắp đặt hệ thống Pin năng lượng mặt trời.
- Xây dựng hệ thống kiểm tra, giám sát công tác HSE nhiều cấp.
- Tuân thủ triệt để mọi quy định hiện hành của Nhà nước, cũng như các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế.

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

Tập đoàn Rạng Đông đã thành công trong việc xây dựng bộ máy nhân sự tinh gọn, hiệu quả và phát triển năng lực CB-NV. Đây là một kết quả đạt được nhờ tầm nhìn, sứ mệnh và chiến lược phát triển bền vững của công ty. Tập đoàn đã thu hút nhân tài và tạo ra một đội ngũ nhân sự vững chắc và năng lực bằng cách áp dụng chính sách đãi ngộ phù hợp và cạnh tranh, và duy trì văn hóa doanh nghiệp.

Mặc dù đối mặt với khó khăn do tình hình kinh tế, Tập đoàn vẫn duy trì được nguồn nhân lực chủ chốt ổn định. Tỷ lệ lao động có trình độ cao đẳng, đại học và trên đại học được nâng cao về số lượng, lẫn chất lượng và chiếm tỷ lệ cao, đạt 32,5%, tương ứng 262 người. Tỷ lệ lao động trẻ dưới 27 tuổi tiếp tục được duy trì trong những năm gần đây và chiếm tỷ lệ 30,3%, phù hợp với đặc thù ngành. Tỷ lệ lao động trên 45 tuổi, đã gần bó lâu dài với công ty, chiếm tỷ lệ 15,8%.

Tập đoàn Rạng Đông đã đạt được thành công trong việc xây dựng bộ máy nhân sự tinh gọn, hiệu quả và phát triển năng lực CB-NV. Việc duy trì ổn định nguồn nhân lực chủ chốt trong bối cảnh kinh tế khó khăn là một điểm sáng cho sự phát triển bền vững của công ty.



TỔNG SỐ LAO ĐỘNG (tính đến 31/12/2022)

806

CƠ CẤU LAO ĐỘNG NĂM 2022

Năm	ĐVT	2022	2021
Tổng lao động	Người	806	677
Tỷ lệ Nam	%	69	72
Tỷ lệ Nữ	%	31	28

CƠ CẤU TRÌNH ĐỘ NGHIỆP VỤ

Năm	Tỷ lệ
Trên Đại học	0,7%
Đại học, Cao đẳng	31,8%
Trung cấp	9,7%
THPT	57,8%

CƠ CẤU ĐỘ TUỔI LAO ĐỘNG

Tuổi	Tỷ lệ
Trên 45 tuổi	15,8%
35 - 45 tuổi	20,1%
27 - 35 tuổi	33,9%
Dưới 27	30,3%

CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI, ĐÃI NGỘ CHO CB-NV

- Tặng quà ngày Quốc tế Phụ nữ 08/03, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10 cho CB-NV nữ.
- Tặng quà ngày thiếu nhi (01/06), Trung Thu.
- Tặng quà và hỗ trợ cho CB-NV nhân các dịp hiếu hỉ, sinh nhật, ốm đau, sinh con, lễ, Tết.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo

- quy định như BH xã hội, BH y tế, BH thất nghiệp cho toàn bộ người lao động.
- Duy trì các loại hình bảo hiểm không bắt buộc như BH tai nạn 24/24, BH sức khỏe toàn diện cho đối tượng là cán bộ quản lý của Công ty.
- Thường theo doanh số, hiệu quả công việc.

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tập đoàn luôn quan tâm cải tiến môi trường làm việc và điều kiện an toàn cho nhân viên, đồng thời tuân thủ các quy định pháp luật về bảo hộ lao động, bảo vệ sức khỏe của nhân viên và bảo vệ môi trường của cộng đồng, đặc biệt đối với lực lượng công nhân làm việc tại các Nhà máy trực thuộc.

Các chính sách đảm bảo an toàn lao động, an toàn sức khỏe và bệnh nghề nghiệp bao gồm:

- Hướng dẫn, tập huấn các biện pháp an toàn lao động;
- Cấp quần áo, trang thiết bị bảo hộ lao động;

- Kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm;
- Phòng ngừa và loại trừ những nguy cơ đe dọa tính mạng, sức khỏe của người lao động;
- Không sử dụng lao động nữ đang mang thai, hoặc nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi làm đêm hoặc làm thêm giờ; không sử dụng lao động nữ làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.
- Nhân viên được bố trí ăn theo ca, ăn giữa ca nhằm đảm bảo sức khỏe, bảo đảm năng lượng tái tạo sức lao động. Nhà ăn đảm bảo tiêu chuẩn, thực hiện kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn (tuân thủ Quyết định 4128/2001 của Bộ Y tế).

HUẤN LUYỆN - ĐÀO TẠO

Con người luôn là yếu tố then chốt quyết định thành công của mọi doanh nghiệp. Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác đào tạo-huấn luyện, nên Ban lãnh đạo Tập đoàn đã quan tâm chỉ đạo sâu sát và có nhiều chế độ ưu đãi, phương thức đào tạo mới tạo cơ hội học tập cho tất cả CB-NV, với mục tiêu đảm bảo nguồn nhân lực có kỹ năng và trình độ chuyên môn, và liên tục được cập nhật kiến thức mới đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của doanh nghiệp. Chế độ Đào tạo phù hợp đã giúp nâng cao chất lượng thực hiện công việc và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực của Tập đoàn.

Dựa trên định hướng chiến lược phát triển bền vững, Tập đoàn đã ký kết Hợp đồng đào tạo dài

hạn với Trường Đào Tạo Doanh Nhân PTI nhằm chủ động kế hoạch đào tạo, nâng cao kiến thức cho đội ngũ CBCS và lực lượng trẻ kế thừa. Chế độ Đào tạo phù hợp đã giúp nâng cao chất lượng thực hiện công việc và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực của Tập đoàn. Bên cạnh đó, để xây dựng, phát triển và duy trì nguồn nhân lực chất lượng, Tập đoàn đã xây dựng hệ thống quản lý kết quả công việc, khung chương trình đánh giá năng lực và xây dựng đội ngũ kế thừa, kế hoạch phát triển cá nhân nhằm mục đích phát triển đội ngũ nhân viên vững mạnh, chủ động trong việc hoạch định nguồn lực, gia tăng sự gắn bó và cam kết lâu dài với tổ chức.

NỘI DUNG ĐÀO TẠO TẬP TRUNG VÀO CÁC LĨNH VỰC

- Đào tạo cán bộ quản lý cấp cao (CHRO, CCO, CPO); Đào tạo kiến thức quản lý cho GD NM);
- Quản lý cấp trung (Quản lý/ Quản đốc sản xuất; Trưởng phòng kinh doanh);
- Quản trị nhân sự chuyên nghiệp, nâng cao

- năng lực quản lý cấp trung;
- Và các khóa đào tạo chuyên môn nghiệp vụ (HSE-Basic; Customer Handling; quản lý kho, lái xe nâng...) cho anh chị em nhân viên văn phòng, và công nhân các nhà máy.

Tập đoàn Nhựa Rạng Đông kỳ vọng những giá trị nhân văn của công ty sẽ được lan tỏa không chỉ trong nội bộ doanh nghiệp mà còn nhận được sự khích lệ và hưởng ứng ngày càng mạnh mẽ trong cộng đồng xã hội, tạo thành sự phát triển bền vững trong tương lai.



SUSTAINABLE
DEVELOPMENT
GOALS

Hằng năm, công ty đều xem xét, đánh giá lại các nguyên tắc thực hành “Phát triển bền vững” tại Văn phòng công ty, các nhà máy, các công ty thành viên.

Nội dung báo cáo phát triển bền vững tích hợp với Báo cáo Thường niên là một phần quan trọng nhằm công bố các thông tin về

chiến lược phát triển bền vững, đánh giá các tác động, rủi ro và cơ hội kinh doanh liên quan đến môi trường, xã hội.

Báo cáo giúp các Nhà đầu tư, cổ đông và các bên liên quan tiếp cận tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh ở khía cạnh phát triển bền vững.



PHẠM VI BÁO CÁO

Báo cáo được lập trong phạm vi hoạt động của Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding, Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An, Công ty Cổ phần Rạng Đông Healthcare, Công ty Cổ phần Rạng Đông Films, Công ty Cổ phần Trading Rạng Đông.

Thông tin và dữ liệu trong báo cáo được cập nhật cho năm tài chính 2022 bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc ngày 31/12/2022. Các báo cáo về hoạt động an toàn lao động, xã hội, môi trường được tổng hợp từ các hoạt động chính được thực hiện tại đơn vị thành viên và các nhà máy trực thuộc. Báo cáo phản ánh các kết quả hoạt động trong năm 2022, đồng thời cũng đề cập đến định hướng và mục tiêu trong những năm tới đối với vấn đề phát triển bền vững.

CÁCH THỨC XÂY DỰNG BÁO CÁO

Báo cáo được lập dựa trên tài liệu CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VIỆT NAM do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phối hợp với UNESCO phát hành, xác định các lĩnh vực trọng yếu tác động đến các bên liên quan.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Hơn 60 năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nhựa, công ty hiểu rõ những giá trị của chính sách phát triển bền vững. Chúng tôi nỗ lực không ngừng để thông điệp “Phát triển bền vững” trở thành Chiến lược phát triển, đồng thời thông điệp được lan truyền và hưởng ứng ngày càng mạnh mẽ. Vì vậy, chúng tôi rất mong nhận được sự đồng góp ý kiến chân thành của Quý vị. Mọi ý kiến đóng góp, thắc mắc vui lòng liên hệ: **Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Holding**
Địa chỉ: 190 Lạc Long Quân, P. 3, Q.11, Tp.HCM
ĐT: (028) 3969 2272

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ




BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN
RẠNG ĐÔNG HOLDING

Rạng đông[®]
Since 1960

Luôn Luôn Tốt Hơn

KHÍA CẠNH	LĨNH VỰC	
Tăng trưởng kinh tế	Tăng trưởng kinh tế & việc làm bền vững Công nghiệp, sáng tạo & hạ tầng	 
Trách nhiệm xã hội	Xóa nghèo Giáo dục chất lượng Thành phố & cộng đồng bền vững	  
Bảo vệ môi trường	Nước sạch & vệ sinh Năng lượng sạch & giá cả hợp lý	 



TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

CÁC BÊN LIÊN QUAN	HÀNH ĐỘNG CỦA CÔNG TY	NHỮNG GIÁ TRỊ ĐẠT ĐƯỢC
<ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông/ Nhà đầu tư - Đối tác / khách hàng - Người lao động - Người tiêu dùng 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển đổi mô hình hoạt động sang Holdings, các công ty con hoạt động độc lập, trở thành chuỗi liên kết liên doanh hỗ trợ lẫn nhau, giúp công ty mở rộng thị trường trong & ngoài nước - Thúc đẩy nghiên cứu phát triển sp mới. - Đầu tư hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất - Đầu tư máy móc thiết bị - Đầu tư cho hệ thống lạnh trung tâm - Tăng cường các hoạt động đánh giá với các đối tác quốc tế 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu xuất khẩu + 20% - Mở rộng thị phần xuất khẩu +5% - 2 đề tài cấp bộ được nghiệm thu, ứng dụng thành công 6 sản phẩm mới từ 2 đề tài trên - Tạo thêm +100 việc làm mới - Môi trường làm việc đạt tiêu chuẩn Nhật.



TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

CÁC BÊN LIÊN QUAN	HÀNH ĐỘNG CỦA CÔNG TY	NHỮNG GIÁ TRỊ ĐẠT ĐƯỢC
<ul style="list-style-type: none"> - Cộng đồng xã hội - Cơ quan Nhà nước - Người lao động 	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty luôn tuân thủ các quy định kê khai thuế, nộp thuế. Qua đó, tái phân bố một phần lợi ích lại xã hội - Đồng hành cùng các hoạt động cộng đồng ý nghĩa, cam kết chặt chẽ sự phát triển bền vững, thịnh vượng chung của toàn xã hội. - Xây dựng nguồn lực có trình độ chuyên môn cao, có thái độ, động cơ làm việc tích cực, hoàn thành sứ mệnh và giá trị của cty; - Đảm bảo các chế độ lương thưởng phúc lợi đối với người lao động; 	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng góp Ngân sách NN - 2.2 tỉ đồng để xây dựng cơ sở hạ tầng tại Long An, chương trình cầu Nồng thôn Việt - Đảm bảo thu nhập người lao động +8.5 triệu, cùng các phúc lợi khác - Mở 74 lớp đào tạo, nâng cao trình độ, chuyên môn cho 450 lao động, giúp gia tăng năng suất lao động, nâng cao giá trị lao động trong tương lai



BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CÁC BÊN LIÊN QUAN	HÀNH ĐỘNG CỦA CÔNG TY	NHỮNG GIÁ TRỊ ĐẠT ĐƯỢC
<ul style="list-style-type: none"> - Cộng đồng xã hội - Người lao động - Người tiêu dùng 	<ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng công nghệ kỹ thuật tiên tiến, thân thiện với môi trường trong sản xuất, tái sử dụng nguyên liệu. - Dự án điện mặt trời áp mái: công suất 4,5 MW - Nâng cao ý thức tiết kiệm và bảo vệ môi trường đối với toàn thể nhân viên, tư vấn và hướng khách hàng đến việc sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng trạm xử lý nước thải đạt công suất 100 m3/ ngày. - Đầu tư hệ thống cấp nhiệt đạt 4.000.000 Kcal, thay thế toàn bộ lò đầu đốt củi, đốt dầu DO - Áp dụng mô hình 3B trong quá trình xử lý phế liệu phát sinh - Báo cáo quan trắc môi trường định kỳ. - Không xảy ra vi phạm luật pháp về bảo vệ môi trường.



Ông

HỒ ĐỨC LAM

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Chủ tịch Hiệp Hội Nhựa Việt Nam

1981 - 1984:
Công nhân điện
Nhà máy Diêm Hòa Bình

1985 - 12/2005:
Công nhân điện
XN Nguyên liệu giấy

Trưởng phòng kỹ thuật
Công ty CP Nhựa Rạng Đông

Phó TGD
Công ty CP Nhựa Rạng Đông

1/2006 đến 2018:
Tổng Giám Đốc
Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông

2019 đến nay:
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding



Ông

HỒ ĐỨC DŨNG

Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

2009 - 2014:
Giám Đốc
Cty TNHH MTV SXTM & DV Hồ Đức

2014 - 2016:
Giám đốc Cung Ứng Vật Tư
Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông

2017:
Phó Tổng Giám Đốc Điều Hành
Cty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An

2019 đến nay
Tổng Giám Đốc
Công ty Cổ phần Rạng Đông Healthcare

06/2020 - 06/2022
Tổng Giám Đốc
Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding



Ông

BÙI KHẮC THIỆN

Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

1993 - 2004:
- Cán bộ kỹ thuật
- Phó Giám đốc
- Giám đốc Nhà máy Nhựa 5
(Công ty Nhựa Rạng Đông)

2004 đến nay
- Phó Giám đốc Nhà máy Nhựa 1
- Phó Giám đốc Nhà máy Nhựa Hóc Môn
- Trưởng ban Kiểm soát nội bộ
- Giám đốc Quản lý Dự án
- Người được ủy quyền công bố thông tin Công ty cổ phần Nhựa Rạng Đông
(Công ty cổ phần Rạng Đông Holding)



Ông

HỒ VĂN TUYÊN

Thành Viên Hội Đồng Quản Trị
Chủ tịch Ủy Ban Kiểm toán

1996 - 2005:
Trưởng phòng Phân tích Tài chính
Công ty TNHH NGK Coca Cola Việt Nam

2005 - 2007:
Trưởng phòng Tài chính
Công ty Cổ phần Greenfeed Việt Nam

2007 - 2008:
Giám đốc Tài chính (CFO)
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương Mại
Xuất nhập khẩu Viên Thông A

2008 - 2012:
Phó Tổng giám đốc
Công ty CP Đầu tư Sài Gòn MêKong

2012 - 2013:
Giám đốc Tài chính (CFO)
Công ty CP Tập đoàn Trung Nguyên Coffee

2013 - 2014
Giám đốc Tài chính (CFO) & Cố vấn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh

2014 - nay
Chủ tịch - Kiểm Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư RIM



Ông

NGUYỄN TRẦN VINH

Thành Viên Hội Đồng Quản Trị
Thành viên Ủy Ban Kiểm toán

2001-2005:
CV phân tích Tài chính
Công ty TNHH NGK Coca Cola
Việt Nam

2005-2007:
Giám sát bộ phận Tài chính
Công ty Cổ phần Greenfeed
Việt Nam

2008-2013:
Trưởng phòng Tài chính
Công ty Cổ phần Sản xuất
Thương Mại Xuất nhập khẩu
Viên Thông A

2013 - 2014:
Trưởng phòng Tài chính
& Phân tích
Công ty Cổ phần Tập đoàn
Trung Nguyên

2014 đến nay:
Giám đốc điều hành
Công ty Cổ phần Đầu tư RIM

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Hồ Đức Lam	Chủ tịch	10/05/2018	
2	Ông Hồ Đức Dũng	Thành viên	21/04/2018	
3	Bà Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên	21/04/2018	07/05/2022
4	Ông Hồ Văn Tuyên	Thành viên độc lập	06/06/2020	
5	Ông Nguyễn Trần Vinh	Thành viên độc lập	06/06/2020	
6	Ông Bùi Đắc Thiện	Thành viên	07/05/2022	

c) Các cuộc họp HĐQT

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Hồ Đức Lam	20/20	100%	
2	Ông Hồ Đức Dũng	20/20	100%	
3	Bà Lê Thị Thanh Thủy	08/20	40%	Miễn nhiệm Thành viên HĐQT từ ngày 07/05/2022
4	Ông Hồ Văn Tuyên	20/20	100%	
5	Ông Nguyễn Trần Vinh	20/20	100%	
6	Ông Bùi Đắc Thiện	12/20	60%	Bổ nhiệm Thành viên HĐQT từ ngày 07/05/2022

Chủ tịch Hội đồng quản trị đã đề ra chương trình hoạt động hàng quý với nội dung rõ ràng, cụ thể, được triển khai, bàn thảo đến các thành viên Hội đồng quản trị tại các cuộc họp Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, làm việc hiệu quả, và đã thực hiện đầy đủ và đúng đắn quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị theo các quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị doanh nghiệp và Quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

Tập trung thực hiện nhiệm vụ nghiêm túc, trách nhiệm, hiệu quả, trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức ĐHĐ CĐ thường niên, và thông qua ĐHĐ CĐ đã thông qua 25 nội dung quan trọng liên quan hoạt động sản xuất kinh doanh và chiến lược phát triển của Tập đoàn. Tiếp đó đã báo cáo và thông qua ĐHĐ CĐ 5 nội dung liên quan việc phát hành cổ phiếu, Phương án tổ chức bộ máy, sắp nhập đơn vị thành viên, và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

Cụ thể là :

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày Tháng/Năm	Nội dung
1	137/NQ-ĐHĐCĐ/2022	07/05/2022	<p>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua 18 nội dung, cụ thể như sau:</p> <p>Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.</p> <p>Thông qua Báo cáo hoạt động của Ủy ban kiểm toán.</p> <p>Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.</p> <p>Thông qua Tờ trình về việc Lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021.</p> <p>Thông qua Tờ trình về việc Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính cho niên độ 2022.</p> <p>Thông qua Tờ trình về việc Thù lao Hội đồng quản trị và trích quỹ thưởng Ban Điều hành năm 2022.</p> <p>Thông qua Tờ trình về việc Điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh.</p> <p>Thông qua Tờ trình về việc Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.</p> <p>Thông qua Tờ trình về việc Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động tại công ty.</p> <p>Thông qua Tờ trình về việc Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.</p> <p>Thông qua Tờ trình về việc Phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi.</p> <p>Thông qua Tờ trình về việc Phương án chuyển hình thức thuê đất từ Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm sang Nhà nước cho thuê đất, trả tiền thuê đất một lần và chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình xây dựng gắn liền với đất.</p> <p>Thông qua Tờ trình về việc Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ tại Công ty Cổ phần Rạng Đông Long An.</p> <p>Thông qua Tờ trình về việc Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ tại Công ty Cổ phần Rạng Đông Films.</p> <p>Thông qua Tờ trình về việc Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Thông qua Tờ trình về việc Bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023.</p> <p>Thông qua danh sách trúng cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding nhiệm kỳ 2018 - 2023.</p>

Nhằm cụ thể hóa các nội dung đã được ĐHĐ CĐ về định hướng phát triển của doanh nghiệp, năm 2022, HĐQT đã triển khai các Nghị quyết/ Quyết định như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT	05/01/2022	Triển khai thực hiện phương án và thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu cho CBCNV theo chương trình ESOP	100%
2	02/NQ-HĐQT	27/01/2022	Điều chỉnh ngành nghề kinh doanh	100%
3	03/NQ-HĐQT	16/02/2022	Kết quả phát hành cổ phiếu ESOP sau khi hết hạn đăng ký và nộp tiền mua - Xử lý số lượng cổ phiếu ESOP không chào bán hết	100%
4	04/NQ-HĐQT	22/02/2022	Đăng ký tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding	100%
5	05/NQ-HĐQT	25/02/2022	Gia hạn hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%
6	06/NQ-HĐQT	14/03/2022	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%
7	07/QĐ-HĐQT	30/03/2022	Miễn nhiệm chức danh Phụ trách Bộ phận Kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding	100%
8	08/QĐ-HĐQT	30/03/2022	Bổ nhiệm chức danh Phụ trách Bộ phận Kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding	100%
9	09/NQ-HĐQT	12/04/2022	Miễn nhiệm, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding	100%
10	10/NQ-HĐQT	13/05/2022	Phân công nhiệm vụ thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding	100%
11	11/QĐ-HĐQT	13/05/2022	Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty kiêm nhiệm Thư ký công ty Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding	100%
12	12/QĐ-HĐQT	13/05/2022	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty kiêm nhiệm Thư ký công ty Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding	100%
13	13/QĐ-HĐQT	31/05/2022	Miễn nhiệm Người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding	100%
14	14/QĐ-HĐQT	31/05/2022	Miễn nhiệm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding	100%
15	15/QĐ-HĐQT	31/05/2022	Bổ nhiệm Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding	100%
16	16/NQ-HĐQT	31/05/2022	Kết quả sản xuất kinh doanh Quý 1/2022 và giải pháp cho Quý 2/2022	100%
17	17/NQ-HĐQT	13/06/2022	Lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding niên độ 2022	100%

18	18/QĐ-HĐQT	16/06/2022	Hủy bỏ Quyết định số:13/QĐ-HĐQT ngày 31/05/2022 và miễn nhiệm chức vụ Người đại diện pháp luật đối với Ông Hà Thanh Thiên	100%
19	19/NQ-HĐQT	16/06/2022	Tạm ngừng hoạt động Chi nhánh Công ty tại Hà Nội từ 21/06/2022 đến 20/06/2023	100%
20	20/NQ-HĐQT	29/06/2022	Sơ kết tháng 05/2022 và giải pháp	100%
21	21/NQ-HĐQT	05/08/2022	Sơ kết tháng 06/2022 và giải pháp	100%
22	22/QĐ-HĐQT	31/08/2022	Ban hành Quy chế Công bố thông tin Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding	100%
23	23/NQ-HĐQT	06/09/2022	Sơ kết tháng 07/2022 và giải pháp	100%
24	24/NQ-HĐQT	26/10/2022	Kết quả sản xuất kinh doanh Quý 3/2022 và giải pháp cho Quý 4/2022	100%

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

HĐQT chỉ đạo và giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện và triển khai các Nghị quyết của HĐQT và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể:

- Hoàn thành, nộp và công bố thông tin đúng thời hạn Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính quý (1,2,3,4) năm 2022, Báo cáo tài chính bán niên 2022 đã được soát xét, Báo cáo thường niên năm 2021, Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2021, Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng năm 2022.
- Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 07/05/2022 tại Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ 2022 là Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt
- Giám sát việc điều chỉnh Điều lệ, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phù hợp với việc thay đổi vốn, thông tin đăng ký ngành nghề kinh doanh của Công ty tuân thủ theo pháp luật quy định.
- Bổ nhiệm và miễn nhiệm nhân sự cấp cao, điều chuyển về các vị trí chủ chốt giúp cho việc điều hành và quản lý tại các Công ty thành viên được giám sát chặt chẽ.
- Triển khai và giám sát tiến độ thi công nhà máy Rạng Đông Healthcare tại Khu Công nghiệp Tân Đô, Long An.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT: ỦY BAN KIỂM TOÁN

- Giám sát, kiểm tra các công việc về lập báo cáo tài chính; các hoạt động của kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro; việc chọn lựa và tư vấn đơn vị kiểm toán độc lập cho HĐQT; việc tuân thủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Kiểm tra, giám sát đảm bảo Công ty thực hiện đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán. Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Kiểm tra và đánh giá các quy trình của hệ thống Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.
- Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin của Công ty niêm yết.

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

1. Thông tin về thành viên Ủy ban kiểm toán:

Stt	Thành viên Ủy ban kiểm toán	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ủy ban kiểm toán	Trình độ chuyên môn
1	Ông Hồ Văn Tuyên	Chủ tịch	06/06/2020	Tiến sĩ Quản trị kinh Doanh
2	Ông Nguyễn Trần Vinh	Thành viên	06/06/2020	Cử nhân Kinh tế

2. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

Stt	Thành viên Ủy ban kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Hồ Văn Tuyên	4/4	100%	100%	
2	Ông Nguyễn Trần Vinh	4/4	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của Ủy ban kiểm toán đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc điều hành và cổ đông:

- Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;
- Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
- Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông;
- Quản lý về chuyên môn bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty;
- Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để HĐQT thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;
- Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá

trình kiểm toán;

- Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác: Ủy ban kiểm toán được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty, trao đổi với các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán; có quyền yêu cầu đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan đến báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán; lập báo cáo gửi HĐQT khi phát hiện thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty.

5. Hoạt động khác của Ủy ban kiểm toán: Không.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BGD VÀ UBKT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Thù lao HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Thù lao ỦY BAN KIỂM TOÁN	Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
240.000.000 VNĐ	80.000.000 VNĐ	526.654.900 VNĐ

Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo).

Doanh thu bán hàng và cung ứng dịch vụ giữa Công ty mẹ với Công ty con, Công ty liên kết mà Thành viên HĐQT là Thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành Công ty của Công ty con, Công ty liên kết: năm 2022.

- Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An

Ông Hồ Đức Lam - CT. HĐQT Cty CP Rạng Đông Holding 305,134,548,044 VNĐ (RDP bán cho Công ty con)
 Ông Hồ Đức Dũng - Thành viên HĐQT Công ty CP Rạng Đông Holding 696,876,245,043 VNĐ (RDP mua)
 Ông Trần Minh Dũng - PTGD Công ty CP Rạng Đông Holding
 Ông Hồ Đức Lam - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Rạng Đông Long An
 Ông Hồ Đức Dũng - Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Rạng Đông Long An
 Ông Trần Minh Dũng - Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Rạng Đông Long An

- Công ty Cổ phần Tiếp Vận Song Dũng

Ông Hồ Đức Dũng - TV HĐQT Cty CP Rạng Đông Holding 250,000,000 VNĐ (RDP bán cho Công ty liên kết)
 Ông Hồ Đức Dũng - CT.HĐQT Cty CP Tiếp Vận Song Dũng 1,249,236,500 VNĐ (cung ứng dịch vụ cho Cty mẹ)

- Công ty Cổ phần Trading Rang Đông

Ông Hồ Đức Dũng - TV HĐQT Công ty CP Rạng Đông Holding 555,085,478,495 VNĐ (RDP bán cho Cty con)
 Ông Trần Minh Dũng - PTGD Công ty CP Rạng Đông Holding 3,321,050,396 VNĐ (RDP mua)
 Ông Hồ Đức Dũng - Thành viên HĐQT Công ty CP Trading Rang Đông
 Ông Trần Minh Dũng - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Trading Rang Đông

- Công ty Cổ phần Rạng Đông Films

Ông Hồ Đức Lam - CT. HĐQT Cty CP Rạng Đông Holding 1,135,710,726,534 VNĐ (RDP bán cho Công ty con)
 Ông Trần Minh Dũng - PTGD Công ty CP Rạng Đông Holding 11,743,372,000 VNĐ (RDP mua)
 Ông Hồ Đức Lam - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Rạng Đông Films
 Ông Trần Minh Dũng - Thành viên HĐQT Công ty CP Rạng Đông Films

- Công ty Cổ phần Rạng Đông Healthcare

Ông Hồ Đức Lam - Chủ tịch HĐQT Cty CP Rạng Đông Holding 2,939,250,287 VNĐ (RDP bán cho Cty liên kết)
 Ông Hồ Đức Dũng - Thành viên HĐQT Công ty CP Rạng Đông Holding
 Ông Trần Minh Dũng - PTGD Công ty CP Rạng Đông Holding
 Ông Hồ Đức Lam - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Rạng Đông Healthcare
 Ông Hồ Đức Dũng - Tổng Giám Đốc Công ty CP Rạng Đông Healthcare
 Ông Trần Minh Dũng - Thành viên HĐQT Công ty CP Rạng Đông Healthcare
 - Ông Hồ Đức Lam - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Rạng Đông Holding cho Công ty CP Rạng Đông Holding vay 50,591,902,007 VNĐ

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 – 34

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Rạng Đồng Holding (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát

Công ty Cổ phần Rạng Đồng Holding (trước đây là: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đồng đã được đổi lại tên thành Công ty Cổ phần Rạng Đồng Holding theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 03/06/2019), là công ty cổ phần được hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300384357 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 03 năm 2005 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi bổ sung kèm theo.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, mua bán hàng nhựa gia dụng, kỹ thuật: màng nhựa, giẻ da, tôn, ván nhựa, ống nhựa, bao bì in tráng ghép, vật liệu xây dựng, chai nhựa, áo mưa, cặp, túi xách (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải, sản xuất nhựa tổng hợp, thuộc da tại trụ sở). Chế tạo máy móc, thiết bị ngành nhựa (không gia công cơ khí tại trụ sở). Xây dựng dân dụng, công nghiệp. San lấp mặt bằng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng tại trụ sở). Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất ngành nhựa (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Mối giới bất động sản; Kinh doanh nhà. Mua bán hàng gia dụng; Mua bán phế liệu nhựa (không mua bán tại trụ sở); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).

Trụ sở chính của Công ty tại số 190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ủy Ban Kiểm toán trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng quản trị

Ông Hồ Đức Lam	Chủ tịch	
Ông Hồ Đức Dũng	Thành viên	
Ông Hồ Văn Tuyên	Thành viên độc lập	
Ông Nguyễn Trần Vinh	Thành viên độc lập	
Ông Bùi Đức Thiện	Thành viên	(Từ ngày 07/05/2022)
Bà Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên	(Đến ngày 07/05/2022)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hà Thanh Thiện	Tổng Giám đốc	(Từ ngày 01/06/2022)
Ông Hồ Đức Dũng	Tổng Giám đốc	(Đến ngày 01/06/2022)
Ông Trần Minh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	

Ủy ban kiểm toán

Ông Hồ Văn Tuyên	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trần Vinh	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Hồ Đức Lam – Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Hà Thanh Thiện – Tổng Giám đốc Công ty được Ông Hồ Đức Lam – Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Giấy Ủy quyền số 2770/GUQ-RDP ngày 31 tháng 5 năm 2022.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Hồ Đức Lam
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 29 tháng 03 năm 2023



Số: 56-2/BCKTHN/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Rang Đồng Holding

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Rang Đồng Holding được lập ngày 29 tháng 03 năm 2023, từ trang 5 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Rang Đồng Holding tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1559-2023-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Kiểm toán viên

Nguyễn Văn Tinh
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 3919-2022-152-1

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.862.075.156.591	2.721.143.077.946
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	21.539.479.129	9.766.918.120
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	2.840.535.677.462	2.711.376.159.826
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	2.612.001.189.042	2.487.882.961.885
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		228.534.488.420	223.493.197.941
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	11.534.464.589	5.159.839.033
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	103.179.745.878	95.671.952.916
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		90.167.450.331	89.910.534.050
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2	316.769.070	(964.776.922)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	36.850.746.473	28.085.190.818
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	77.705.031.472	66.733.930.378
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.650.198.256	37.197.185.941
12. Thu nhập khác	31	VI.9	2.117.982.707	20.783.758.552
13. Chi phí khác	32	VI.10	3.590.664.752	5.146.009.573
14. Lợi nhuận khác	40		(1.472.682.045)	15.637.748.979
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.177.516.211	52.834.934.920
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	8.642.932.289	14.890.291.935
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.12	(3.357.829)	215.826.981
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.537.941.751	37.728.816.004
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		7.962.033.707	33.031.615.015
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		4.575.908.044	4.697.200.989
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.13	163	693

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Huỳnh Thanh Diệu

Đỗ Minh Luân

Hà Thanh Thiên

Ngày 29 tháng 03 năm 2023

7

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	21.177.516.211	52.834.934.920
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	59.221.810.065	59.868.626.368
- (Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.832.440.537)	(18.932.398.541)
- Chi phí lãi vay	06	90.167.450.331	89.910.534.050
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	164.734.336.070	183.681.698.796
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(4.990.327.243)	43.956.248.756
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(151.395.266.396)	(141.780.603.043)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	4.767.004.054	2.546.588.687
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(4.637.851.742)	7.778.314.692
- Tiền lãi vay đã trả	14	(90.111.608.481)	(89.139.967.048)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.903.827.686)	(11.832.499.856)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(93.537.241.424)	(4.790.219.016)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(19.768.088.576)	(57.718.743.856)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	17.673.140.589	66.573.088.729
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23	(95.553.520.193)	(3.480.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	3.480.000.000	3.700.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, lợi nhuận được chia	27	601.282.951	455.877.525
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(93.567.185.229)	9.530.222.398
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	164.270.570.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	2.441.340.258.709	2.202.331.423.495
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.369.288.988.922)	(2.176.087.492.365)
4. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	(30.592.642.668)	(26.699.184.029)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.250.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	207.479.197.119	(455.252.899)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	20.374.770.466	4.284.750.483
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	30.385.023.269	26.100.272.786
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	50.759.793.735	30.385.023.269

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Huỳnh Thanh Diệu

Đỗ Minh Luân

Hà Thanh Thiên

Ngày 29 tháng 03 năm 2023

8

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Rạng Đồng Holding (trước đây là: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đồng đã được đổi lại tên thành Công ty Cổ phần Rạng Đồng Holding theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 03/06/2019), là công ty cổ phần được hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300384357 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 03 năm 2005 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi bổ sung kèm theo.

Trụ sở chính của Công ty tại: 190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 698 người (tại ngày 31/12/2021 là 599 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, mua bán hàng nhựa gia dụng, kỹ thuật: màng nhựa, giả da, tôn, van nhựa, ống nhựa, bao bì in tráng ghép, vật liệu xây dựng, chai nhựa, áo mưa, cặp, túi xách (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải, sản xuất nhựa tổng hợp, thuốc da tại trụ sở). Chế tạo máy móc, thiết bị ngành nhựa (không gia công cơ khí tại trụ sở). Xây dựng dân dụng, công nghiệp. Sản lắp mặt bằng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng tại trụ sở). Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất ngành nhựa (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Môi giới bất động sản; Kinh doanh nhà. Mua bán hàng gia dụng; Mua bán phế liệu nhựa (không mua bán tại trụ sở); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng số Công ty con tại ngày 31/12/2022 là: 3 công ty. Số lượng Công ty con được hợp nhất tại ngày 31/12/2022 là: 3 công ty. Thông tin về các công ty con được hợp nhất như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP Nhựa Rạng Đồng Long An	KCN Tân Đò, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	60,7%	60,7%
Công ty CP Trading Rạng Đồng	190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. HCM	Bán buôn chuyên doanh khác	51%	51%
Công ty CP Rạng Đồng Films	63 Võ Văn Bich, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, TP.HCM	Sản xuất sản phẩm từ Plastic	78,2%	78,2%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tổng số Công ty liên kết tại ngày 31/12/2022 là: 2 công ty.

Số lượng Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu: 2 công ty.

Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Rạng Đồng Healthcare	Lô G4-G8, đường số 8 KCN Tân Đò, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu	40,7%	40,7%
Công ty CP tiếp vận Song Đứng	190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. HCM	Vận tải, dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	45%	45%

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Rạng Đồng Holding (công ty mẹ) và các công ty con.

Các công ty con là các đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm/1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

6. Nguyên tắc kế toán phải thu và cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Hội đồng Quản trị thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối năm kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà xưởng và vật kiến trúc	15 - 50 năm
- Máy móc thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
- Thiết bị quản lý	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	45 - 49 năm
- Phần mềm quản lý	05 - 10 năm

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chi khấu hao hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

18. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trả trước cho bên thứ ba	57.641.343.557	79.445.006.141
Zhejiang Mingri Holdings Group Co., LTD	-	8.631.500.000
Trả trước người bán khác (i)	57.641.343.557	70.813.505.141
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh VIII.3)	1.800.000.000	1.800.000.000
Cộng	59.441.343.557	81.245.006.141

(i) Không có khoản trả trước cho người bán nào chiếm 10% trở lên trên tổng số dư

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bên liên quan		
Ông Hồ Đức Lam (i)	104.071.000.045	-
Cộng	104.071.000.045	-

(i) Cho ông Hồ Đức Lam vay theo hợp đồng số 24/HĐTC-RDF/2022 và số HDM/RDP/22-08-03 ngày 03 tháng 08 năm 2022. Lãi suất cho vay 6,5%/năm. Thời hạn cho vay đến ngày 04 tháng 08 năm 2023. Cho vay không có tài sản bảo đảm.

6. Phải thu khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác	31.252.428.326	15.844.763.767
Tạm ứng	11.217.310.447	7.516.060.890
Ký cược, ký quỹ	3.973.541.625	5.938.461.438
Lãi tiền gửi và cho vay	4.269.608.511	-
Phải thu khác	11.791.967.743	2.390.241.439
Phải thu dài hạn khác	16.876.227.632	15.711.340.190
Ký cược, ký quỹ	15.827.301.614	13.672.955.276
Phải thu khác	1.048.926.018	2.038.384.914
Cộng	48.128.655.958	31.556.103.957

Trong đó:

Phải thu khác là các bên liên quan (Thuyết minh VIII.3)	13.157.258.387	-
---	----------------	---

1368
CÔNG TY
RẠNG ĐÔNG
VỤ TƯ
LỆNH KẾ
SỐ 1368
SỐ 1368
P. HCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. Nợ xấu

Đối tượng	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự phòng				
Wujiang Yige Import & Export co., Ltd	847.485.687	-	847.485.687	-
Đối tượng khác	404.808.083	-	404.808.083	-
Cộng	1.252.293.770	-	1.252.293.770	-

8. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đơn vị tính: VND				
Nguyên liệu, vật liệu	624.236.413.627	-	513.470.916.529	-
Công cụ, dụng cụ	5.245.358.012	-	5.177.196.517	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	93.901.476.980	-	58.268.533.319	-
Thành phẩm	98.295.205.218	-	96.976.670.385	-
Hàng hoá	57.366.775.782	-	53.756.646.473	-
Cộng	879.045.229.619	-	727.649.963.223	-

9. Chi phí trả trước

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	11.987.836.449	4.400.005.885
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	10.661.492.694	2.590.545.746
Chi phí trả trước khác	1.326.343.755	1.839.460.139
Chi phí trả trước dài hạn	65.613.345.473	68.563.524.295
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.285.289.160	5.365.973.569
Chi phí thuê đất (i)	48.318.165.707	49.701.979.521
Chi phí trả trước dài hạn khác	14.009.890.606	13.495.571.205
Cộng	77.601.181.922	72.963.530.180

(i) Tiền thuê đất trả trước với diện tích 84.050 m² tại Khu công nghiệp Tân Đông được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 41 năm kể từ ngày của Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ngày 14 tháng 11 năm 2016 được cấp bởi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	6.189.236.833	6.232.128.753
- Mua 02 lô đất tại xã Tân Thạnh Đông, Củ Chi	3.701.254.400	3.701.254.400
- Xây dựng cơ bản dở dang khác	2.487.982.433	2.530.874.353
Mua sắm tài sản cố định	9.926.786.009	17.835.548.367
Cộng	16.116.022.842	24.067.677.120

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Đơn vị tính: VND
					Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	382.394.696.004	555.347.239.518	50.376.185.923	35.764.953.786	1.023.882.975.231
Mua trong năm	-	10.306.905.780	-	-	10.306.905.780
Đầu tư xây dựng cơ bản dở hoàn thành	948.620.000	-	-	-	948.620.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.121.082.102)	(4.723.244.991)	-	(7.844.327.093)
Số dư cuối năm	383.343.216.004	562.533.063.196	45.652.940.932	35.764.953.786	1.027.294.173.918
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	82.409.396.544	349.261.794.979	21.677.772.582	20.447.700.533	473.796.664.638
Khấu hao trong năm	11.661.284.338	25.267.868.219	4.146.111.652	2.403.141.968	43.478.406.177
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.791.839.583)	(1.434.330.968)	-	(3.226.170.651)
Số dư cuối năm	94.070.680.882	372.737.823.515	24.389.553.266	22.850.842.501	514.048.900.164
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	299.985.199.460	206.085.444.539	28.698.413.341	15.317.253.253	550.086.310.593
Tại ngày cuối năm	289.272.535.122	189.795.239.681	21.263.387.666	12.914.111.285	513.245.273.754

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay là 429.430.137.145 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 458.946.678.425 đồng).

19



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

12. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

Máy móc thiết bị

Nguyên giá	
Số dư đầu năm	145.708.654.491
Thuê tài chính trong năm	18.204.822.986
Giảm khác	(608.534.516)
Số dư cuối năm	163.304.942.961
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	42.788.998.030
Khấu hao trong năm	15.086.722.320
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	57.875.720.350
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	102.919.656.461
Tại ngày cuối năm	105.429.222.611

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất (l)	Phần mềm máy tính	Hệ thống quản lý, hệ thống iso	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	17.395.343.946	4.050.450.000	527.213.580	21.973.007.526
Số tăng trong năm	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	17.395.343.946	4.050.450.000	527.213.580	21.973.007.526
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	3.287.026.328	1.227.275.000	527.213.580	5.041.514.908
Khấu hao trong năm	358.181.568	298.500.000	-	656.681.568
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	3.645.207.896	1.525.775.000	527.213.580	5.698.196.476
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	14.108.317.618	2.823.175.000	-	16.931.492.618
Tại ngày cuối năm	13.750.136.050	2.524.675.000	-	16.274.811.050

(i) Quyền sử dụng đất với diện tích 382,9 m² tại số 159 Lạc Long Quân, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn sử dụng 50 năm kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2014 và Quyền sử dụng đất với diện tích 14,979.4 m² tại thửa đất số 262, 263 tờ bản đồ số 70, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh, thời hạn sử dụng 50 năm kể từ ngày 03 tháng 08 năm 2007.

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay là 13.750.136.050 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 14.108.317.618 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 527.213.580 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 527.213.580 đồng).

20

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

18. Phải trả khác	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải trả ngắn hạn khác	108.454.245.756	109.209.438.439
Phải trả các ngân hàng khoản upas	93.455.371.287	48.007.987.212
Kinh phí công đoàn	1.483.964.566	1.784.153.886
Cổ tức phải trả	1.466.625.324	8.000.025.324
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	616.307.741	577.038.241
Phải trả khác	11.431.976.838	50.840.235.776
Phải trả dài hạn khác	1.000.000.000	1.462.100.000
Nhận ký quỹ, ký cược	1.000.000.000	1.462.100.000
Cộng	109.454.245.756	110.671.538.439
Trong đó:		
Phải trả khác là bên liên quan (Thuyết minh VIII.3)	9.320.000.000	37.152.328.682
19. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Lãi tài sản góp vốn vào công ty liên kết	2.629.206.330	2.706.535.928
Cộng	2.629.206.330	2.706.535.928
20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.279.217.182	1.339.213.167
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.279.217.182	1.339.213.167
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	129.601.570	192.955.384
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	129.601.570	192.955.384

CÔNG TY CỔ PHẦN RẠNG ĐÔNG HOLDING
190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. HCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

21. Vay và nợ thuế tài chính

Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn Vay ngắn hạn (Thuyết minh 21.1) Nợ thuế tài chính đến hạn trả (Thuyết minh 21.3) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn Vay các ngân hàng (Thuyết minh 21.2) Nợ thuế tài chính (Thuyết minh 21.3)	01/01/2022	Tăng	Giảm	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
	862.531.877.762	2.468.091.783.439	2.334.248.345.402	986.375.315.799
	834.054.218.826	2.441.340.258.709	2.305.936.998.922	969.457.468.613
	28.477.658.936	26.751.524.730	28.311.356.480	26.917.827.186
	374.971.599.819	15.417.563.250	82.384.810.918	308.004.352.151
	347.143.175.016	-	53.352.000.000	293.791.175.016
	27.828.424.803	15.417.563.250	29.032.810.918	14.213.177.135
Cộng	1.237.503.477.581	2.483.509.346.689	2.416.633.156.320	1.304.379.667.950

21.1. Chi tiết số dư các khoản vay ngắn hạn như sau:

Số dư tại 31/12/2022	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo	Số dư tại 31/12/2022
147.781.982.887	8,5%-9,1%	Tài sản hình thành từ vốn vay	147.781.982.887
154.056.238.759	6,2%-8,5%	Cổ phiếu RDP, Quyền sử dụng đất và tài sản của bên thứ ba	154.056.238.759
138.448.659.871	6,3%-9,2%	Tài sản hình thành từ vốn vay tại ngân hàng	138.448.659.871
183.982.436.000	10,52%-12,99%	Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	183.982.436.000
68.025.720.066	9,0%	Tài sản hình thành từ vốn vay	68.025.720.066
39.957.654.318	8,9%	Tài sản hình thành từ vốn vay	39.957.654.318
93.777.485.600	8,2%-10,5%	Không có tài sản đảm bảo	93.777.485.600
22.836.456.418	8,35%-9,6%	Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	22.836.456.418
44.157.814.835	6,5%-12%	Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	44.157.814.835
4.280.762.100	6,7%-8,35%	Không có tài sản đảm bảo	4.280.762.100
10.381.000.000	11,2%	Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	10.381.000.000
35.050.365.950	4,25%-5,55%	Không có tài sản đảm bảo	35.050.365.950
10.000.000.000	7,6%	Tài sản hình thành từ vốn vay	10.000.000.000
4.529.901.789	10,5%	Không có tài sản đảm bảo	4.529.901.789
12.190.000.000	7,5%	Không có tài sản đảm bảo	12.190.000.000
Cộng			969.457.468.613

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

21.2. Chi tiết số dư các khoản vay dài hạn ngắn hạn như sau:

Số dư tại 31/12/2022	Lãi suất (%/năm)	Tại sản thế chấp
4.403.027.020	10% - 11%	May móc thiết bị từ vốn vay
289.388.147.996	8,6%-9,6%	Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trong tương lai và tài sản từ vốn vay
293.791.175.016		

21.3. Chi tiết nợ thuế tài chính như sau:

Thời hạn	Tổng tiền thanh toán VND	Trả tiền lãi thuế VND	Trả nợ gốc VND	31/12/2022	01/01/2022
Từ 1 năm trở xuống	29.418.232.003	2.500.404.817	26.917.827.186	31.691.274.149	3.213.615.213
Trên 1 năm đến 5 năm	15.722.160.838	1.508.983.703	14.213.177.135	29.347.336.505	1.518.911.702
Cộng	45.140.392.841	4.009.388.520	41.131.004.321	61.038.610.654	4.732.526.915

Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	Số dư tại 31/12/2022 VND	Phân loại thành nợ đến hạn trả VND	Lãi suất (%/năm)
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	22.013.722.875	13.760.078.477	7,5%-10,36%
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV/ ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	8.474.212.080	4.195.379.343	8,1% - 9,9%
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV/ ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	8.003.284.000	6.322.584.000	7,5% - 12,6%
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Challease Cống	2.639.785.366	2.639.785.366	7,3% - 9,89%
Cộng	41.131.004.321	26.917.827.186	

25



CÔNG TY CỔ PHẦN RANG ĐỒNG HOLDING
190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	410.699.210.000	25.638.570.000	1.912.212.955	68.705.099.697	(106.765.890.422)	400.189.202.230
Phát hành cổ phiếu bằng quỹ đầu tư phát triển để tăng vốn	65.706.650.000			(65.706.650.000)		-
Lãi trong năm trước					33.031.615.015	33.031.615.015
Số dư cuối năm trước	476.405.860.000	25.638.570.000	1.912.212.955	2.998.449.697	(73.734.275.407)	433.220.817.245
Phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên (i)	14.292.170.000	(21.600.000)				14.270.570.000
Lãi trong năm nay					7.962.033.707	7.962.033.707
Biến động do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con					(5.173.893.621)	(5.173.893.621)
Số dư cuối năm nay	490.698.030.000	25.616.970.000	1.912.212.955	2.998.449.697	(70.946.135.321)	450.279.527.331

Đơn vị tính: VND

(i) Ngày 18/02/2022, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 1.429.217 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên theo chương trình ESOP để tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng thường niên năm 2021 số 126/NQ-ĐHĐCĐ/2021 ngày 30 tháng 06 năm 2021. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 476.405.860.000 đồng lên 490.698.030.000 đồng.

26



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	476.405.860.000	410.599.210.000
Vốn góp tăng trong năm	14.292.170.000	65.706.650.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	490.698.030.000	476.405.860.000

c) Cổ phiếu

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	49.069.803	47.640.586
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	49.069.803	47.640.586
- Cổ phiếu phổ thông	49.069.803	47.640.586
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49.069.803	47.640.586
- Cổ phiếu phổ thông	49.069.803	47.640.586

Mệnh giá của cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười ngàn đồng).

23. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con tại ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Biến động trong lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu kỳ	72.152.378.571	68.580.177.582
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông không kiểm soát trong kỳ	4.575.908.044	4.697.200.989
Tăng vốn của cổ đông không kiểm soát	150.000.000.000	-
Tăng do thay đổi tỷ lệ lợi ích trong năm	5.173.893.621	-
Giảm do chia cổ tức	(1.716.600.000)	(1.125.000.000)
Số dư cuối kỳ	230.185.580.236	72.152.378.571

24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Đơn vị tính	31/12/2022	01/01/2022
Ngoại tệ các loại			
Trong đó: - Đô la Mỹ	USD	32.165,91	220.378,29

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa nhập	2.849.747.498.522	2.709.831.363.602
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.327.658.069	11.311.714.344
Cộng	2.862.075.156.591	2.721.143.077.946

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chiết khấu thương mại	2.339.323.451	2.888.434.615
Giảm giá hàng bán	9.403.100	26.904.268
Hàng bán bị trả lại	19.190.752.578	6.851.579.237
Cộng	21.539.479.129	9.766.918.120

3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.840.535.677.462	2.711.376.159.826
Cộng	2.840.535.677.462	2.711.376.159.826

Trong đó: Doanh thu thuần với các bên liên quan (Thuyết minh VIII.3)

	99.788.894.905	228.058.272.631
--	----------------	-----------------

4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hoá đã bán	2.607.112.568.451	2.487.651.725.989
Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.868.622.591	231.235.896
Cộng	2.612.001.189.042	2.487.882.961.885

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.577.199.807	4.703.961.508
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.870.891.462	455.877.525
Doanh thu hoạt động tài chính khác	86.373.320	-
Cộng	11.534.464.589	5.159.839.033

136
CÔNG
ĐỒNG
VỤ T
ĐINH B
KIỂM T
AM VI
P. H

1-C
CỦA BAN
VĂN
TOÁN
QUẢN
ĐỊ
CH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	90.167.450.331	89.910.534.050
Lỗ chênh lệch tỷ giá	11.256.350.964	5.761.418.866
Chi phí tài chính khác	1.756.944.583	-
Cộng	103.179.745.878	95.671.952.916

7. Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí cho nhân viên	6.768.880.093	7.280.984.693
Chi phí khấu hao tài sản cố định	933.831.325	1.103.599.059
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.667.220.807	18.344.124.968
Chi phí bán hàng khác	1.480.814.248	1.356.482.098
Cộng	36.850.746.473	28.085.190.818

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí cho nhân viên	31.705.758.226	27.084.770.401
Chi phí dụng cụ, vật tư quản lý	2.295.325.054	2.889.473.624
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.662.544.885	6.803.599.318
Chi phí thuê, phí, lệ phí	9.373.671.285	5.997.297.058
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.745.390.054	14.636.132.642
Chi phí bằng tiền khác	9.922.341.968	9.323.657.335
Cộng	77.705.031.472	66.733.930.378

9. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	567.450.407	19.363.966.340
Thu từ các khoản vi phạm hợp đồng	347.833.189	424.250.743
Thu nhập khác	1.202.699.111	995.541.469
Cộng	2.117.982.707	20.783.758.552

10. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản nộp phạt	1.297.791.479	2.554.066.047
Phạt vi phạm hợp đồng	1.577.274.302	800.492.815
Chi phí khác	715.598.971	1.791.451.711
Cộng	3.590.664.752	5.146.009.573

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất khác nhau trên thu nhập tính thuế của từng công ty.		
Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.		
Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được trình bày như sau:		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của công ty mẹ	3.676.291.277	9.661.090.138
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty con	4.966.641.012	5.229.201.797
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.642.932.289	14.890.291.935

12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(63.353.814)	192.955.384
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	59.995.985	22.871.597
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(3.357.829)	215.826.981

13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty mẹ	7.962.033.707	33.031.615.015
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông công ty mẹ	7.962.033.707	33.031.615.015
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	48.917.092	47.640.586
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	163	693

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày cuối năm, Các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

		31/12/2022	01/01/2022
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		227.267.152.059	256.381.920.261
Công ty TNHH Đầu tư - Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Minh Phát Đạt	Bán hàng	41.932.946.802	43.312.946.802
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Ánh Hồng	Bán hàng	22.797.973.707	30.370.654.957
Công ty CP Rạng Đông Healthcare	Bán hàng	27.596.478.629	14.875.157.023
Công ty TNHH MTV Hoàng Hoàng Quỳnh	Bán hàng	134.588.552.921	167.823.161.479
Công ty CP Tiếp vận Song Dũng	Bán hàng	351.200.000	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.800.000.000	1.800.000.000
Công ty CP Rạng Đông Healthcare	Mua hàng	1.800.000.000	1.800.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn		104.071.000.045	-
Ông Hồ Đức Lam	Cho vay	104.071.000.045	-
Phải thu ngắn hạn khác		13.157.258.387	-
Công ty CP Rạng Đông Healthcare	Cho mượn	9.553.856.058	-
Ông Hồ Đức Lam	Lãi cho vay	3.603.402.329	-
Phải trả người bán ngắn hạn		18.436.024.366	1.967.426.601
Công ty CP Rạng Đông Healthcare	Mua hàng	10.656.521.571	1.967.426.601
Công ty CP Tiếp vận Song Dũng	Mua hàng	7.779.502.795	-
Phải trả ngắn hạn khác		9.320.000.000	37.152.328.682
Ông Hồ Đức Lam	Mượn tiền	5.000.000.000	35.064.488.040
Công ty CP Rạng Đông Healthcare	Mượn tiền	4.320.000.000	2.087.840.642

Thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người quản lý khác trong năm như sau:

		Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị		240.000.000	240.000.000
Ông Hồ Đức Lam	Chủ tịch	80.000.000	80.000.000
Ông Hồ Đức Dũng	Thành viên	40.000.000	40.000.000
Bà Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên (đến ngày 07/05/2022)	10.000.000	40.000.000
Ông Hồ Văn Tuyên	Thành viên	40.000.000	40.000.000
Ông Nguyễn Trần Vĩnh	Thành viên	40.000.000	40.000.000
Ông Bùi Đắc Thiệp	Thành viên (từ ngày 07/05/2022)	30.000.000	-
Tổng Giám đốc		466.654.900	120.000.000
Ông Hà Thanh Thiên	Tổng Giám Đốc (từ ngày 01/06/2022)	366.654.900	-
Ông Hồ Đức Dũng	Tổng Giám đốc (đến ngày 01/06/2022)	100.000.000	120.000.000
Những người quản lý khác			
Lương, thưởng và phúc lợi khác		1.887.286.600	1.395.456.763

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng từ chất dẻo, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Hội đồng Quản trị quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ đăng ký kinh doanh hoạt động tại Việt Nam và không có khoản đầu tư nào ra nước ngoài, do đó Hội đồng Quản trị quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Huỳnh Thanh Diệu

Đỗ Minh Luân

Hà Thanh Thiên

Ngày 29 tháng 03 năm 2023